

8°
INDO-CHINOIS

1940

Dépôt Legal
2 Exemplaires
Hanoi 11-8-33

VIỆT-NAM TIÊU-HỌC TÙNG-THƯ

MORALE (Cours préparatoire)

LUÂN-LÝ

GIÁO-KHOA THU'

LỚP DỰ-BỊ

(Sách này do Nha Học-chính Đông-pháp đã giao cho ông
TRẦN-TRỌNG-KIM, ông NGUYỄN-VĂN-NGỌC, ông ĐẶNG-ĐÌNH-PHÚC
và ông ĐỖ-THẬN soạn)

In lần thứ bảy

DEPOT LEGAL
INDO-CHINE
N° 18833

Nhà-nước giữ bản-quyền



Cấm không ai được in lại

NHA HỌC-CHÍNH ĐÔNG-PHÁP

XUẤT-BẢN

1933

6822 quyển

Giá bán trong xứ Đông-pháp Nhà-nước ấn-định là: 0 \$ 026

COLLECTION DES LIVRES CLASSIQUES
à l'usage des Ecoles élémentaires indigènes

MANUEL DE MORALE

COURS PRÉPARATOIRE



La rédaction de ce manuel a été confiée par
la Direction de l'Instruction Publique
à MM. TRẦN-TRỌNG-KIM, NGUYỄN-VĂN-NGỌC,
ĐẶNG-ĐÌNH-PHÚC et ĐỖ-THẬN.

SEPTIÈME ÉDITION

Tous droits réservés



Reproduction interdite

PUBLIÉ PAR
LA DIRECTION DE L'INSTRUCTION PUBLIQUE EN INDOCHINE
1933

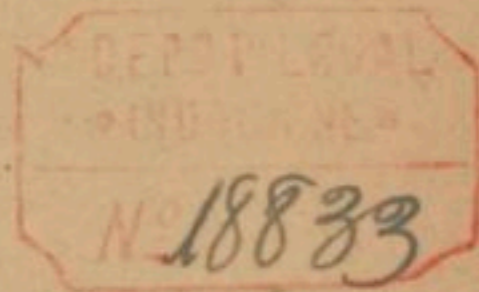
Prix de vente officiel obligatoire pour toute l'Indochine: 0\$026

VIỆT - NAM TIÊU - HỌC TÙNG - THƯ

MORALE (Cours préparatoire)

LUÂN-LÝ
GIÁO-KHOA THƯ

LỚP DỰ-BỊ



(Sách này do Nha Học-chính Đông-pháp đã giao cho ông
TRẦN-TRỌNG-KIM, ông NGUYỄN-VĂN-NGỌC, ông ĐẶNG-ĐÌNH-PHÚC
và ông ĐỖ-THẬN soạn)

In lần thứ bảy

Nhà-nước giữ bản-quyền



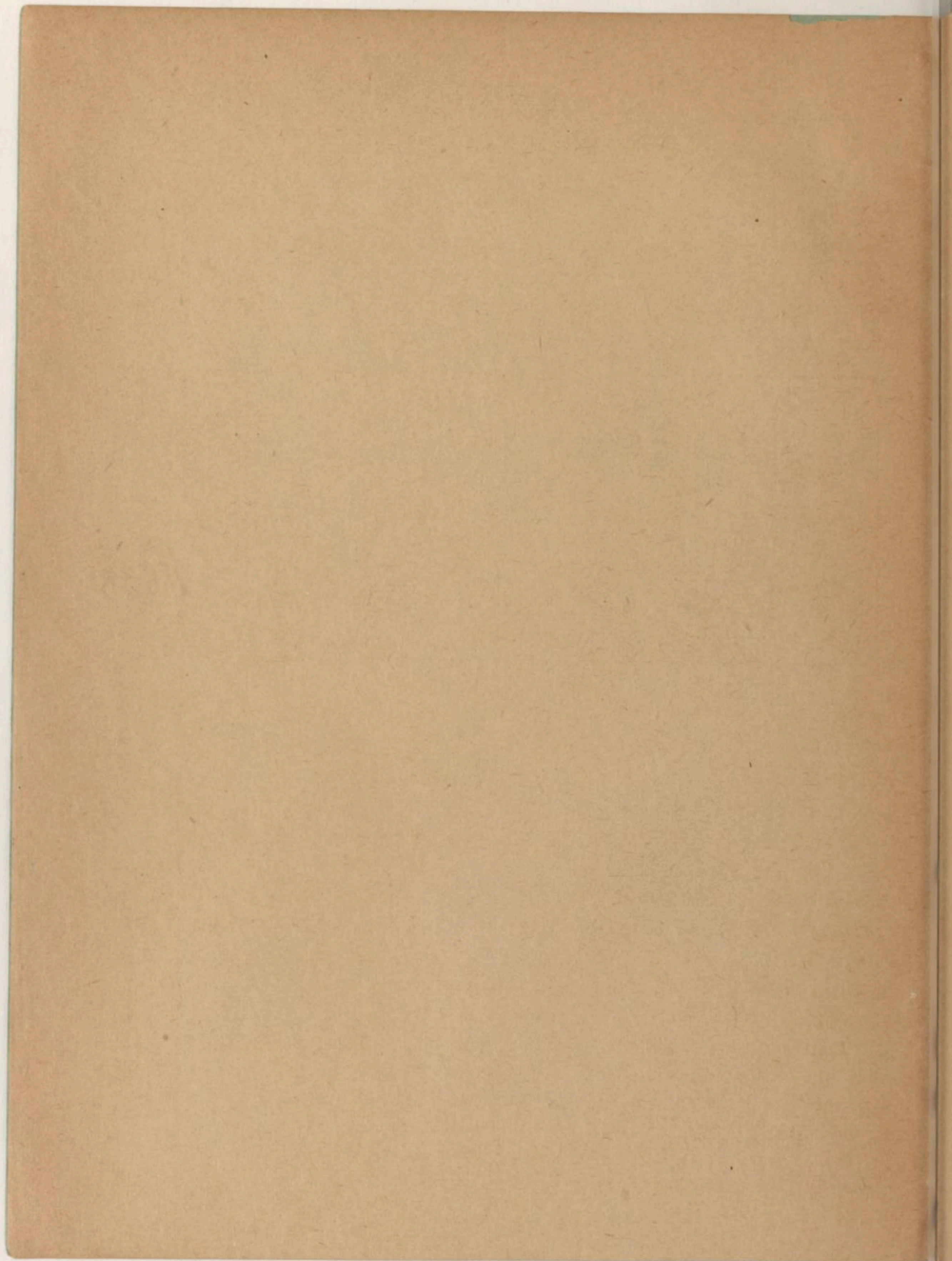
Cấm không ai được in lại

NHA HỌC-CHÍNH ĐÔNG-PHÁP

XUẤT-BẢN
1933

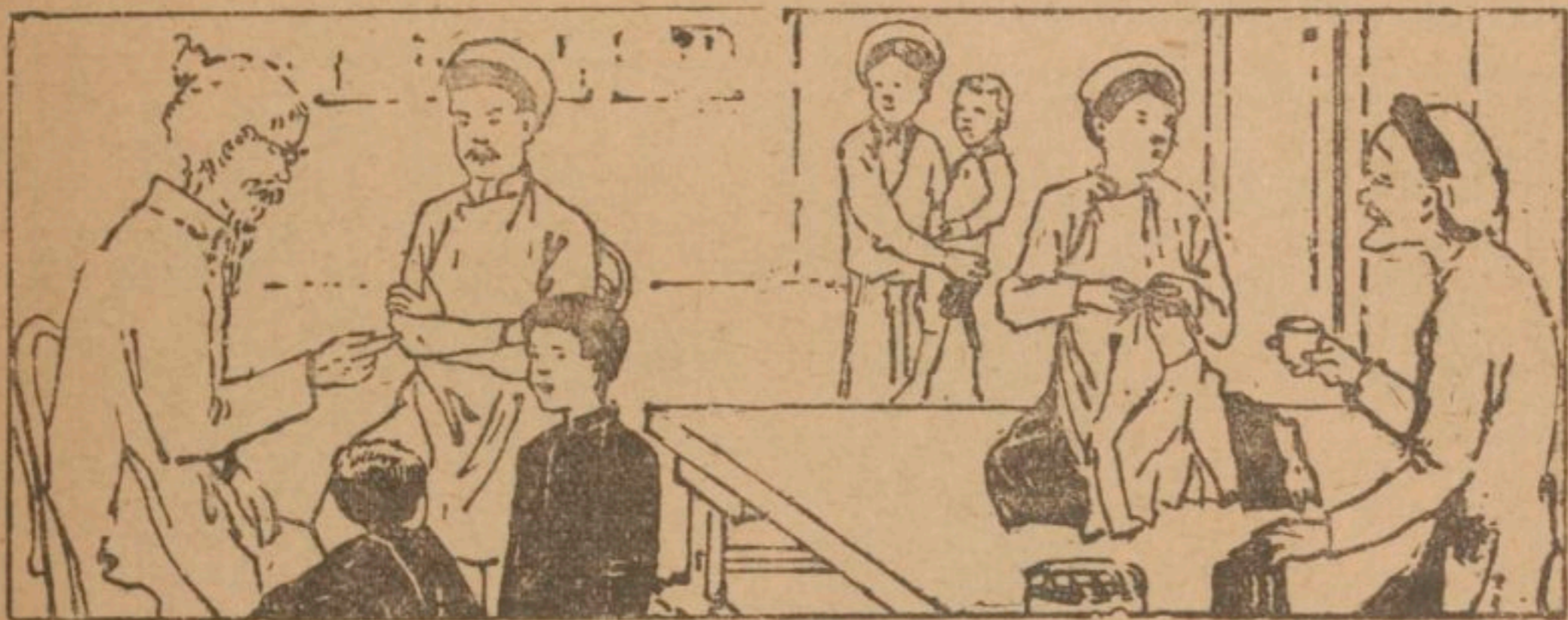


8° Indoch
1940



1. — **Bổn-phận đối với gia-tộc.**

Ông bà, cha mẹ, con cái, anh em, chị em, có quây-quần⁽¹⁾ dùm-bọc lẫn nhau, trên thuận, dưới hòa, trong âm, ngoài êm thì mới hợp cái nghĩa của một gia-tộc. Người ta, muốn sự hay dở, cũng khởi tự trong nhà mà ra. Trong nhà có giữ trọn được niềm hiếu-thảo, thì ra ngoài mới nên được người trung thành với nước, tín nghĩa với thiên-hạ.



Một nhà sum-hạp.

Bổn-phận trẻ con trong gia-tộc.

Cha sinh mẹ dưỡng, phận làm con phải kính yêu, vâng lời, biết ơn cha mẹ. — Có ông bà mới có cha mẹ, vậy con ăn ở với cha mẹ làm sao, thì cháu ăn ở với ông bà cũng phải như vậy. — Cùng một máu mủ, bất cứ xa, gần, nội, ngoại, chú, bác, cô, dì, ta cũng phải một niềm thân yêu, kính trọng. — Uống nước nhớ nguồn, ta phải dộc lòng thờ-phụng tổ-tiên. — Chim có tổ⁽²⁾, người có tông, ta phải làm cho họ hàng, nòi giống ta được vẻ⁽³⁾ vang rực-rỡ. — Anh em như thể chân tay, ta phải keo sơn gắn bó, trên kính dưới nhường. — Người ở xét công, ta phải trông nom⁽⁴⁾ tòi-tớ cho từ-tề.

Câu hỏi. — Ta phải ăn ở với ông bà, cha mẹ làm sao? — Ta phải ăn ở với chú, bác, cô, dì làm sao? — Đối với tổ-tiên, ta phải thế nào? — Anh em, chị em ăn ở với nhau thế nào? — Ta phải cư-xử với tòi-tớ thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Nhập tác hiếu, xuất tác lễ.

(1) quây-quần — (2) tổ — (3) vinh — (4) coi.

Học-đường cũng như một gia-tộc: trên có thầy chăm-chỉ (1) dạy bảo, dưới có bạn tranh-đua (2) học-hành. Người ta, bất cứ sang, hèn, giàu, nghèo, có học mới biết luân-thường đạo-lý.

Bổn-phận trẻ con ở học-đường.

Người ta, ai cũng phải học; có học mới khôn-ngoan, mới biết nghĩa-lý.

— Học-hành cốt nhất phải chuyên-cần, có chuyên-cần mới tiên-ích được.



Anh em bạn học bảo lẫn nhau.

— Học-trò ăn ở với thầy, phải một bụng tôn-kính, thân yêu. Phải vâng lời thầy và tỏ lòng ơn-nghĩa cùng thầy.

— Anh em cùng học một trường, phải giúp-đỡ, khuyên bảo lẫn nhau, coi nhau như ruột thịt. Nhưng phải chọn bạn mà chơi, chơi với người hay rồi được hay, chơi với kẻ dở cũng hóa dở.

Giải nghĩa. — *Luân-thường đạo-lý* = cách ăn ở cho hợp lẽ phải.

Câu hỏi. — Sao ta phải đi học? — Học-hành cốt phải thế nào? — Học-trò phải ăn ở với thầy làm sao? — Anh em bạn học phải ăn ở với nhau làm sao? — Sao lại cần phải chọn bạn?

CÁCH-NGÔN. — Học cho cách vật trí tri,
Văn chương, chữ nghĩa, nghề gì cũng thông.

(1) chuyên-cần — (2) so-đọ.

Ở nhà, đã là người con hiếu-thảo; ở trường, đã là học-trò có hạnh, thì ra đường, cũng phải giữ sao cho được tiếng là người có giáo-dục.

Muôn vậy, ta phải giữ lễ-phép với hết mọi người, nhường nhịn và giúp đỡ những kẻ yếu-đuôi hơn ta.

Tiêu-dẫn. — Ngoài đường.

Con ơi, khi ra đường, con phải ăn-ở thế nào cho người ta không chê cười được. Đừng kêu la rầm-rĩ⁽¹⁾, đùa chạy lăng-nhăng, nghịch-ngộ⁽²⁾ (hoang-hủy) tinh-quái.



Cậu bé nhặt⁽³⁾ cái gậy cho ông già.

Con phải một niềm giữ cho có lễ-phép; khi gặp người già cả, con phải tôn kính; gặp người yếu-đuôi, con phải giúp đỡ. Hoặc khi gặp đám ma, đám cưới, con phải khép-nép giữ-gìn cho ra người có nết-na. Một đôi khi gặp người mù-lòa đánh rơi cái gậy, con nên chạy lại nhặt⁽³⁾ (lặt) cho người ta. Hoặc có khách lạ bỡ-ngỡ⁽⁴⁾ hỏi đường, thì con nên chỉ bảo cho từ-tê.

Giải nghĩa. — Có giáo-dục = có nết na, biết đường ăn-ở.

Câu hỏi. — Ra đường phải giữ lễ-phép thế nào? — Khi gặp người già cả và người yếu đuối, thì phải thế nào? — Gặp đám ma, đám cưới, thì phải thế nào? — Khi gặp khách lạ hỏi đường thì nên thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Tôn tôn, trượng trượng, thân thân,

Kính già, yêu trẻ, nhân luân đạo thường.

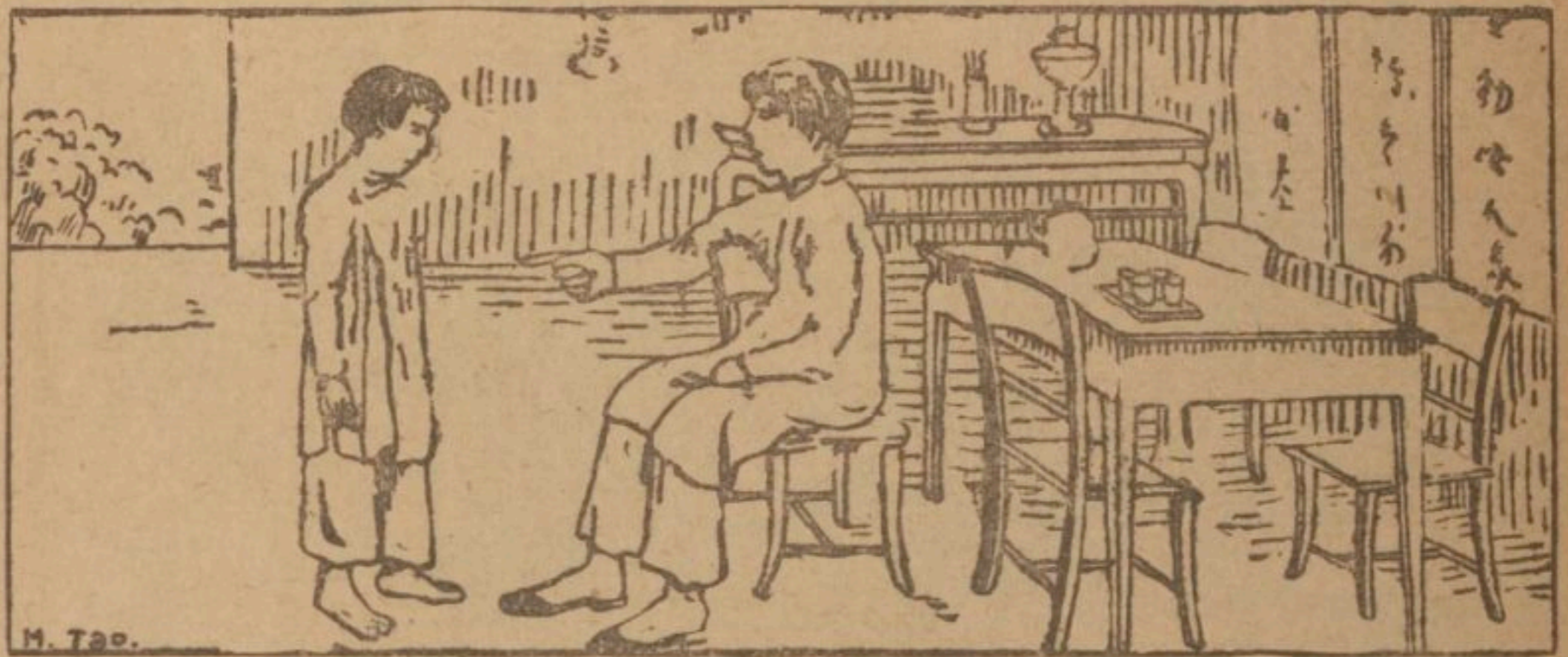
(1) om-sòm — (2) rầm-mắt — (3) lượm — (4) bộ-ngộ.

Đứa bé mặt mũi lợ-lem, đầu bù tóc rối, quần áo bẩn-thỉu⁽¹⁾, dơ dáy đại hình, là đứa bé hư. Như thế chẳng những là tự mình khinh mình, mà lại thất lễ với người ngoài nữa.

Cứ trông cách ăn-mặc cử-chỉ, đủ biết được tâm tính⁽²⁾ hay, hay là dở.

Tiểu-dẫn. — Ăn-mặc lôi-thôi.

Thằng Năm đang chạy rong ngoài đường, mặt mũi nhem-nhuộc⁽³⁾, quần áo tả-toi, đứt cả khuy (cúc), rách cả



Ăn-mặc lôi-thôi phải mắng.

gâu⁽⁴⁾. Anh nó bắt được, lôi nó về nhà, mà mắng rằng : « Mày ăn mặc như thế mà chạy ra đường, không sợ người ta chê cười hay sao ! Từ rày có đi đâu, phải quần áo cho chỉnh-tề, chớ có xộc-xèch lôi-thôi như thế nữa. Con nhà tử-tê, ta phải ăn-mặc cử-chỉ cho đứng-dắn, thi thiên-hạ mới yêu ta, chuộng ta được ».

Năm cúi đầu, nghe lời anh, rồi từ đó, hễ bước chân ra ngoài, thật là đoan-trang nghiêm-chỉnh.

Giải nghĩa. — Cử-chỉ = sự mình đi đứng, ăn nói. — Đoan-trang nghiêm-chỉnh = đứng-dắn chững-chàng.

Câu hỏi. — Năm chạy ra đường ăn mặc thế nào ? — Anh nó bắt được đem về làm gì ? — Anh nó dạy bảo nó gì ?

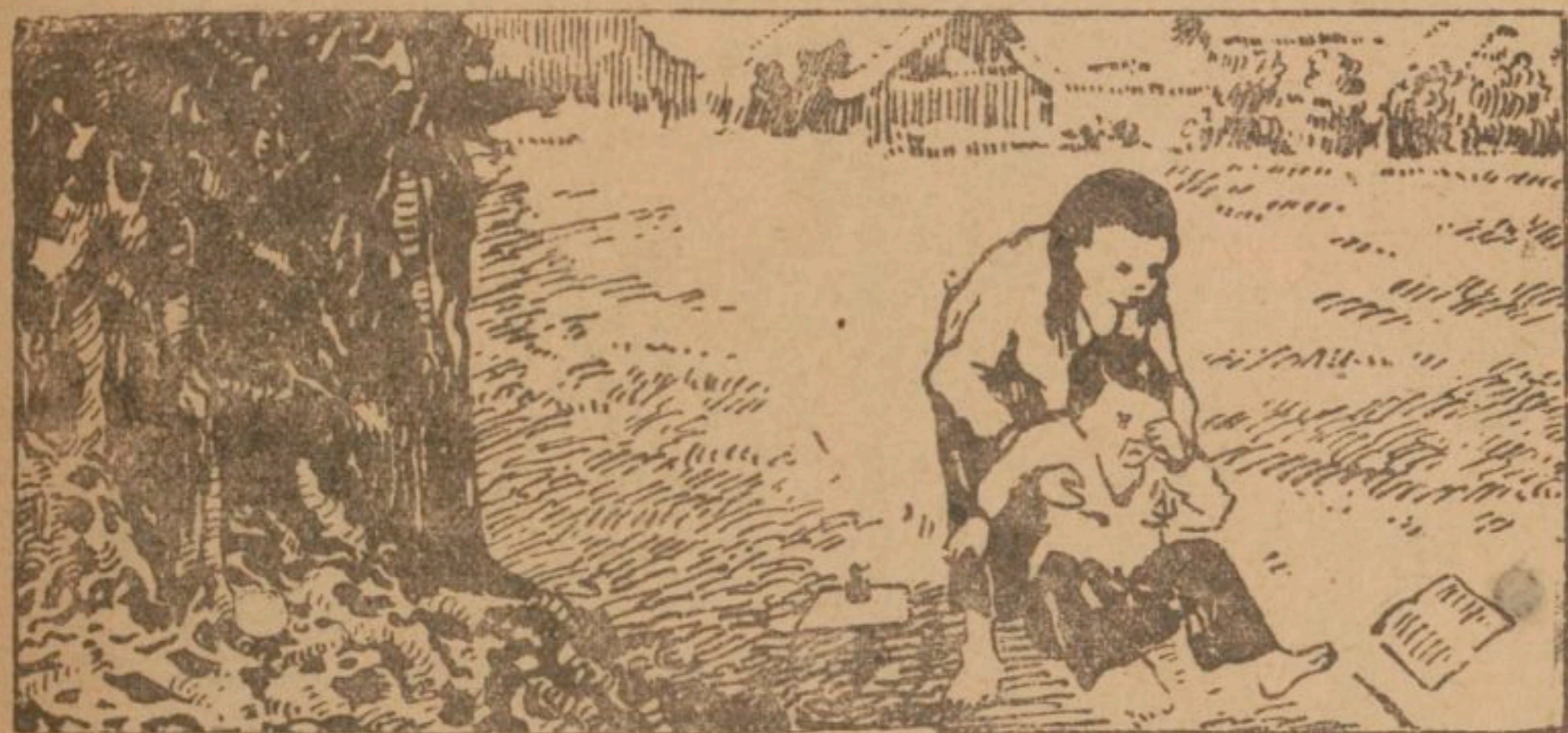
CÁCH-NGÔN. — Đứng ngồi khi trước người ta,
Tới, lui, khép-nép, ôn-hòa dung nghi.

(1) dơ-dáy — (2) tánh — (3) lem-luốc — (4) tròn.

*Thương người tất-tả ngược xuôi,
Thương người lữ bước, thương người vãn-vơ,
Thương người ôm dất (dắt) trẻ thơ,
Thương người tuổi-tác già-nua bán-hàn.*

Tiểu-dẫn. — Cô bé ngoan (1) (giỏi).

Cô Ngọ cắp sách đang đi ở dọc đường, bỗng (2) thấy một con bé con chạy, vô ý vấp chân, ngã (3) (bò) chúi xuống.



Cô Ngọ đỡ con bé con dậy.

Cô vội-vàng chạy đến, nâng (4) dậy và phui quần áo hộ. Con bé con brou đầu (5), xit-xa khóc-lóc. Cô lấy lời dịu-dàng dỗ nó, thấy nó nín rồi, mới rảo bước đi học.

Cô Ngọ thật là hiền lành và có lễ-phép, cho nên ai cũng mến cô.

Giải nghĩa. — *Tất-tả ngược xuôi*: tất-tả = vội-vàng; ngược xuôi = lên ngược xuống xuôi.

Câu hỏi. — Cô Ngọ đi đâu? — Giữa đường cô thấy gì? — Cô chạy lại đỡ con bé và dỗ con bé thế nào? — Cô Ngọ là người thế nào?

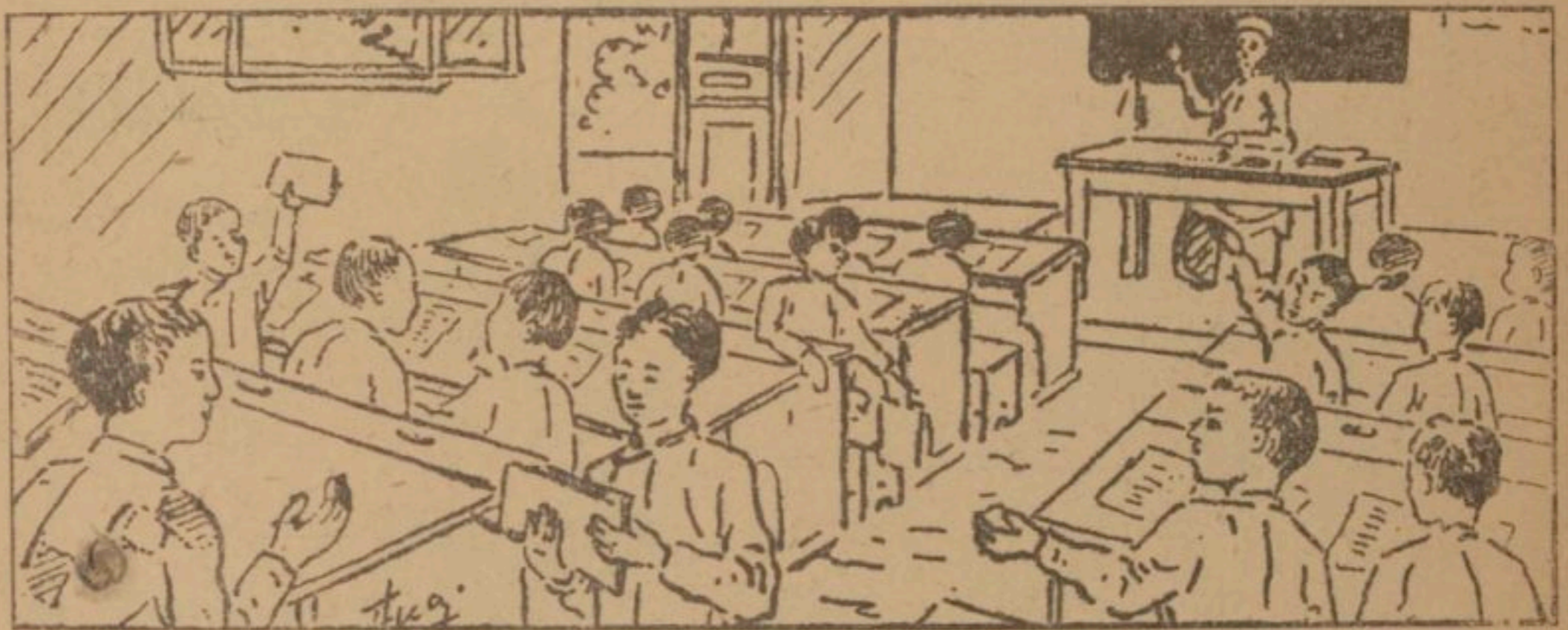
CÁCH-NGÒN. — Ở cho có đực có nhân.

(1) nết-na — (2) tự nhiên — (3) té — (4) đỡ — (5) u đầu.

*Thương người quan, quả, cô-dan,
Thương người đói khát nằm ran kêu đường.
Thấy ai đói rét thì thương,
Rét thường cho mặc, đói thường cho ăn.
Thương người như thể thương thân.*

Tiểu-dân. — Cứu giúp lấy nhau.

Buổi học, học-trò vào ngồi đầu đầy rối. Trong lớp im phăng-phắc. Thầy giáo đứng dậy, hỏi học-trò rằng: « Này các con, nêu anh em các con đây, có người đi học, mà



Bạn học đem giấy bút cho anh Thìn.

không đủ sách vở giấy bút, thì các con nghĩ thế nào?» Một cậu nói: « Con xin cho một ngòi bút ». Một cậu nói: « Con xin cho một cái thước ». Cậu thứ ba nói: « Con xin biếu mười tờ giấy ». — Thầy giáo khen: « Được! » rồi chỉ tay xuống cuối lớp, nói rằng: « Các con hãy trông thẳng Thìn mới xin vào học kia kia. Nhà nó nghèo mà lại mỗ-côi! » Cả lớp nghe nói, động lòng, người cho cái này, kẻ cho cái khác. Thìn lấy làm cảm tạ cái bụng thảo của anh em, mà anh em ai nấy cũng vui vẻ vì đã làm được điều lành.

Giải nghĩa. — *Quan* = người hóa (quá) vợ. — *Quả* = người hóa (quá) chồng. — *Cô-dan* = kẻ có một thân một mình.

Câu hỏi. — Thầy giáo hỏi học-trò điều gì? — Học-trò đáp lại thế nào? — Rồi họ giúp Thìn những gì? — Làm lành, trong bụng được thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Ở có nhân, mười phần chẳng khốn.

Ta phải coi những người già-nua tuổi-tác như ông bà ở nhà. Bất cứ người giàu, hay nghèo, sang hay hèn, ta cũng phải một niềm tôn kính và giữ cho có lễ phép.

Tiểu-dân. — Giúp đỡ người già.

Một bà lão ngồi vá áo ở trên thềm đình. Trời nóng nực, bà thiu thiu rồi dựa vào cột ngủ, cái áo rơi xuống đất. Cuồn chỉ cũng rơi theo, lăn ra tận đằng xa. Có con chó đầu chạy lại đớp, làm cho cuồn chỉ tung ra và rời cả⁽¹⁾ lên.

Mây cậu bé trông⁽²⁾ thấy thê⁽³⁾, đứng khúc-khích cười với nhau. Cô Thi vội-vàng chạy đến, đuổi con chó, nhặt⁽⁴⁾ (lặt) cuồn chỉ lên, quần lại từ-tê, và nhặt cái áo, sẽ để lên đùi bà lão⁽⁵⁾.

Cô Thi thật là ngoan. Cô biết giúp đỡ người già như thê mới phải đạo. Thật đáng làm gương cho mây đứa trẻ kia không biết tôn kính người già.

Câu hỏi. — Một bà lão ngồi làm gì, ở đâu? — Bà ngủ, đánh rơi cái gì? — Con chó thấy cuồn chỉ, đến làm gì? — Lũ trẻ trông thấy thế, làm gì? — Cô Thi làm gì? — Các anh nghĩ cô Thi là người thế nào? — Lũ trẻ thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Kính già, già đề tuổi cho.



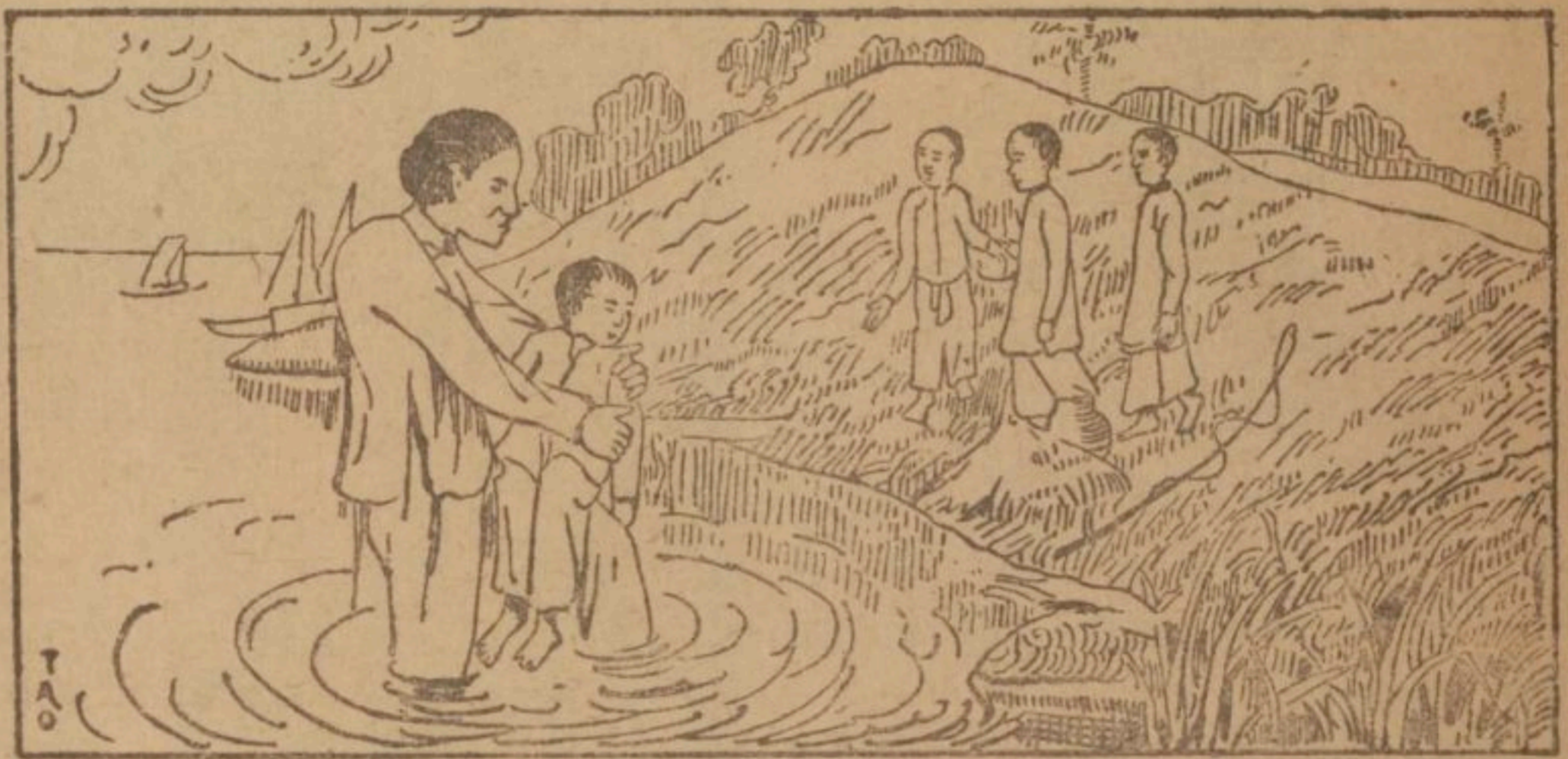
Cô Thi nhặt áo cho bà lão.

(1) hết — (2) ngó — (3) vậy — (4) lượm — (5) bà già.

Người tàn-tật đã chịu cái khổ-sở đau-đớn lắm rồi. Ta phải có bụng thương xót, giúp đỡ người ta, lấy lời dịu-dàng mà yên-ủi thì mới phải đạo.

Tiểu-dẫn. — Người còng (1) (còm).

Một người còng (1) ngồi câu ở bờ sông. Có mấy đứa bé chơi nghịch (hoang), đèn trêu gheo mãi. Người còng (1) làm



Người còng (1) vớt đứa bé.

thình, không nói gì cả. Chúng thầy thê, chán, bỏ chạy đi chơi chỗ khác, chẳng may thê nào một đứa ngã xuống sông. Người còng vội-vàng nhảy xuống nước, vớt lên; chỉ chạm một tí nữa, thì thẳng kia chết đuối. Lũ trẻ thấy người còng can đảm và có bụng tốt như vậy, hỏi-hặn trong lòng, rủ nhau đèn xin lỗi.

Câu hỏi. — Người còng ngồi làm gì, ở đâu? — Lũ trẻ đến nghịch gì? — Sau có xảy ra việc gì? — Người còng làm gì?

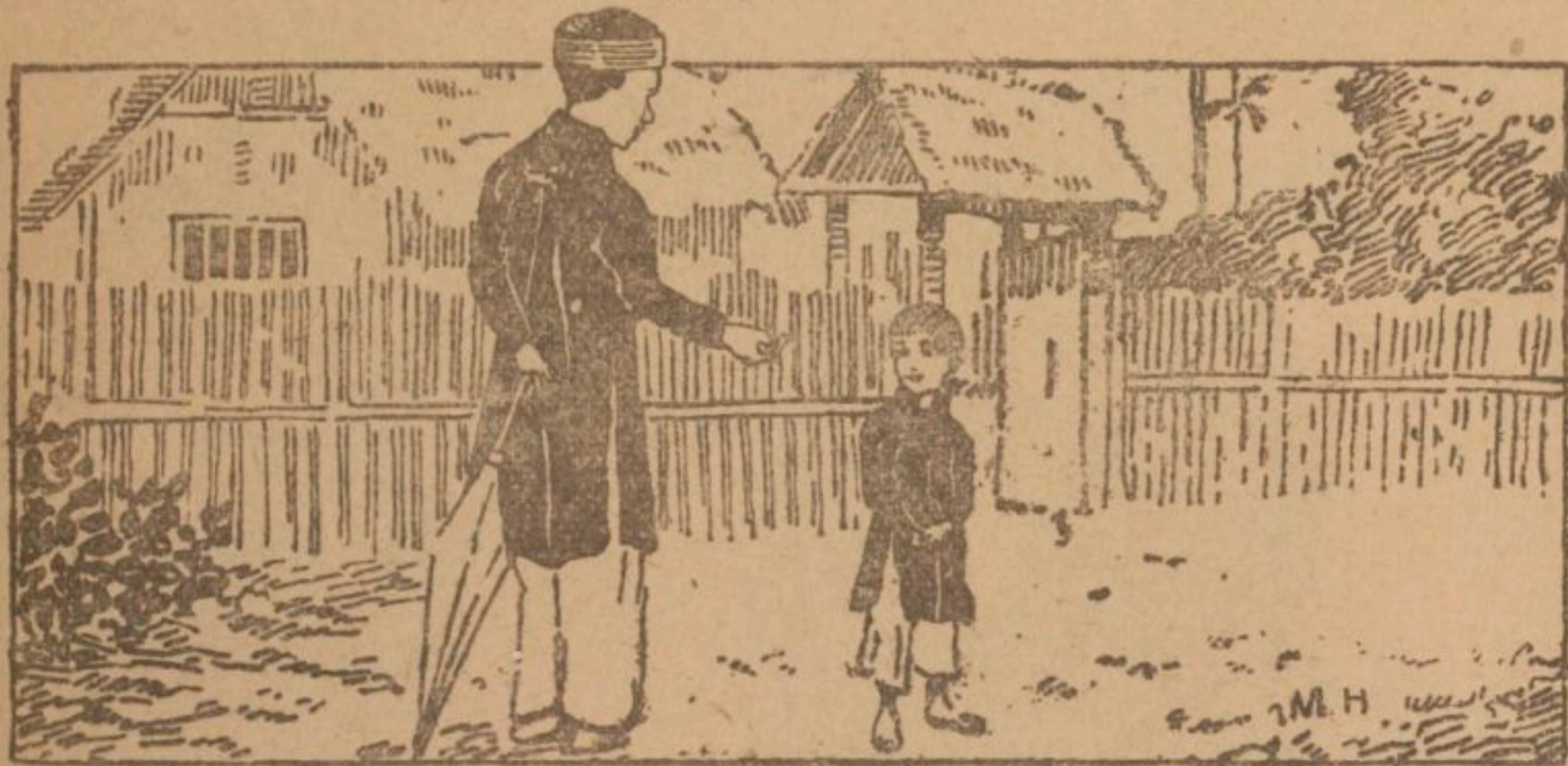
CÁCH-NGÔN. — Thấy người tàn-tật thì thương.

(1) khum lưng.

Đôi với người không quen biết, ta phải cử-chỉ cho khiêm-tôn, đi-đứng cho khoan-thai, nói-năng cho ôn-hòa, nghĩa là cái gì cũng phải giữ cho có lễ phép. Lễ phép không mất tiền mua, mà lại làm cho người ta mến chuộng.

Tiểu-dân. — Cậu bé tử-tế.

Hôm qua, lúc cậu Ba đang đứng chơi ở trước cổng (1), có một người lạ mặt đến hỏi rằng : « Em có biết nhà ông lý đương ở đâu thì em chỉ giúp ». Cậu Ba đáp : « Thưa ông,



« . . . có phải để lấy công với ông đâu ».

ông cứ đi thẳng đến chỗ đầu ngõ, thì rẽ sang bên tay mặt, đi một quãng nữa, đến cái nhà, ngoài có tường đất, có sân rộng, lát (2) gạch, là nhà ông lý đây (3) ». Người kia nghe nói, ra dáng ngẩn ngại, thì cậu Ba nói rằng : « Hay để tôi xin đưa ông đi. » Rồi cậu đi trước, đưa người kia đến tận nhà ông lý. Người kia cảm ơn cậu và muốn cho cậu mấy xu. Nhưng cậu từ chối, nói rằng : « Thưa ông, đó là tôi muốn giúp ông cho được việc, chứ có phải là để lấy công với ông đâu ».

Giải nghĩa. — *Khiêm tốn* = nhún-nhường. — *Lý đương* = lý trưởng đương làm việc.

Câu hỏi. — Có người hỏi gì cậu Ba ? — Cậu Ba đáp thế nào ? — Sau cậu làm gì ? — Người kia cho xu, thì cậu từ chối, nói thế nào ?

CÁCH-NGÓN. — Ta phải giữ lễ phép với người lạ.

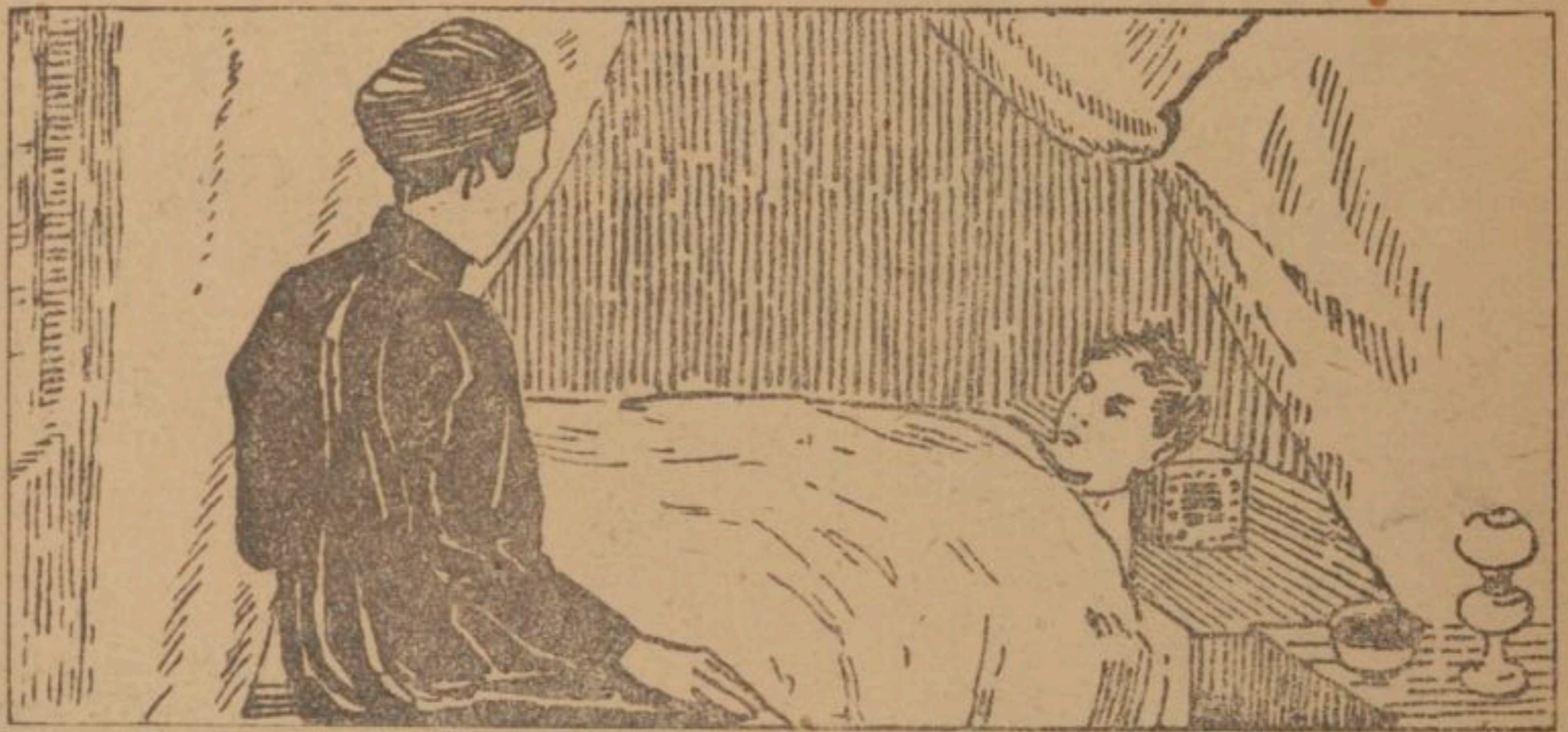
(1) cửa ngõ — (2) lát — (3) đó.

10. — Vệ-sinh.

Vệ-sinh là phép giữ-gìn sức khỏe. Vậy muốn khỏe mạnh, thì ta phải theo phép vệ-sinh. Ta phải nên giữ gìn trước, còn hơn là để đến lúc yếu đau rồi mới chữa.

Tiêu-dẫn — Cách giữ vệ-sinh.

Lúc bệnh mới phát ra, thì thấy chữa còn dễ; nếu để đến lúc nguy-cấp rồi mới tìm thấy, thì thấy cũng chịu. Khi có



Không giữ vệ-sinh thì mắc bệnh.

bệnh, thì phải cần đến thầy, vì thầy có thể, hoặc giữ cho bệnh không tăng lên được, hoặc khiến cho bệnh bớt đi. Nhưng đến cái sức khỏe của mình, thì tự ở mình, chớ không phải là nhờ thầy thuốc. Thí-dụ như nêu trong hai ba năm trời, mà vì mình ăn uống không có điều-độ, thành ra bệnh tật, thì không có thuốc nào mà *nhất-đán* uống khỏi ngay được. Như thế thì không thuốc nào công hiệu bằng ăn uống có điều-độ, ở chỗ sạch-sẽ, cao-ráo, tập thể-thao, nghĩa là theo phép vệ-sinh.

Giải nghĩa. — *Nhất-đán* = một buổi, một ngày.

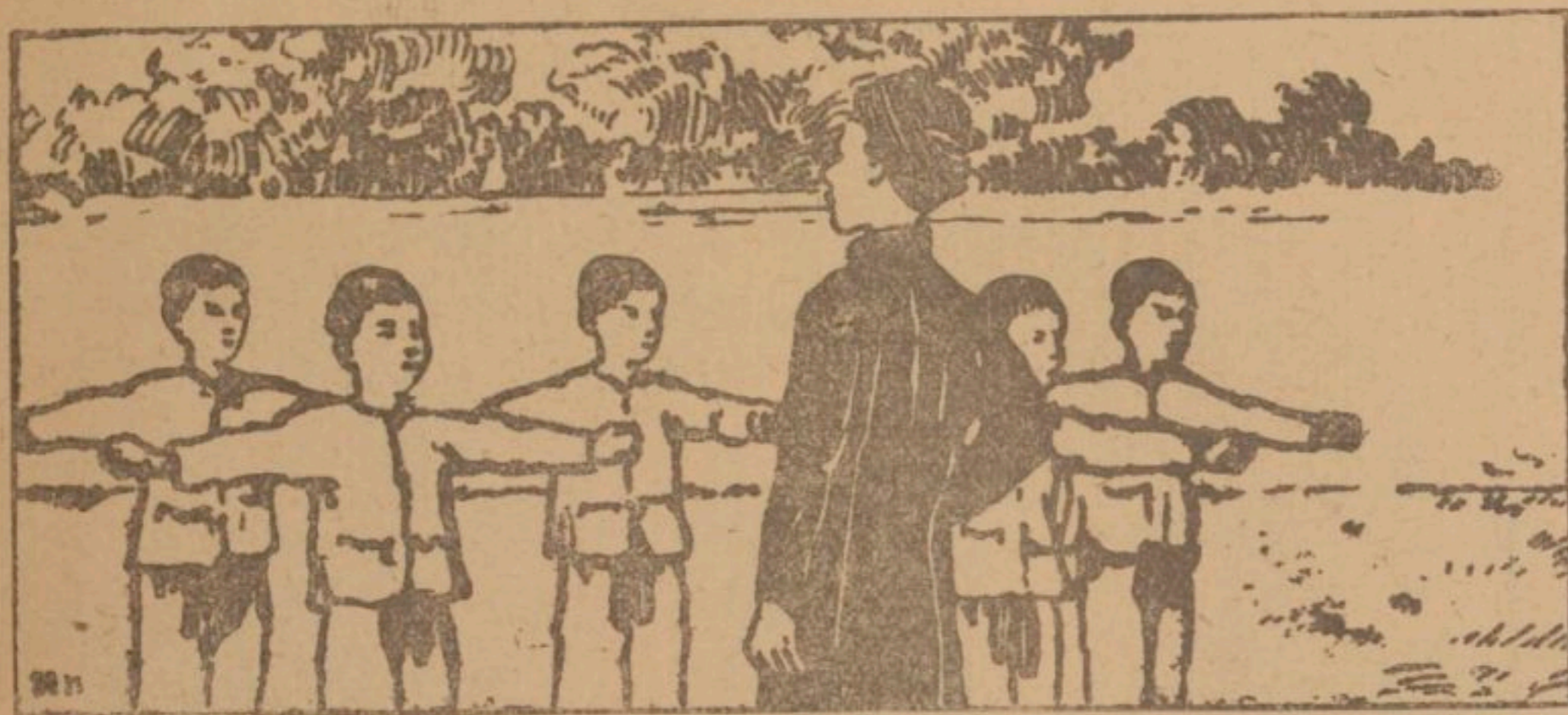
Câu hỏi. — Thầy thuốc giúp ta được những việc gì? — Muốn được khỏe mạnh, có cần phải uống thuốc không? — Muốn được khỏe mạnh, phải làm thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Để đau chạy thuốc, chẳng thà giữ trước thì hơn.

Vệ-sinh không những giữ cho ta khỏi ốm đau, mà lại làm cho sức khỏe của ta ngày một tăng lên. Muốn được khỏe mạnh, thì không những là ăn ở phải cho sạch-sẽ, mà lại phải luyện tập luôn nữa. Có luyện tập thì gân cốt mới được cứng-cát.

Tiểu-dẫn. — Sức khỏe.

Không gì quý bằng sức khỏe, vì nếu yếu đau luôn, thì còn gì khỏe bằng và cũng không làm được việc gì có ích.



Tập thể-thao.

Muốn được khỏe mạnh, thì công việc làm phải có điều-độ, nhà cửa ở phải cho cao-ráo sạch-sẽ. Tuy vậy vẫn chưa đủ. Lại còn phải năng luyện tập thân-thể, thì gân cốt mới được cứng-cát và sức-khỏe mới mỗi ngày một tăng thêm lên. Khi trong người thấy hơi mệt, thì ta phải giữ-gìn cẩn-thận, cho khỏi thành ra bệnh nặng. Nói tóm lại, muốn được khỏe mạnh, thì phải theo phép vệ-sinh.

Câu hỏi. — Tại làm sao người ta cần phải có sức mạnh? — Muốn được khỏe mạnh, thì phải làm thế nào? — Muốn cho thêm sức khỏe lên, thì phải làm thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Ăn được, ngủ được là tiên,
Không ăn, không ngủ là tiên vớt đi.

Người không biết giữ vệ-sinh, không bao giờ được khỏe mạnh. Có khi hơi nhọc mệt, mà không biết giữ-gìn thì thành ra ốm đau.

Người mà cứ hay yếu đau luôn thì còn sung-sướng sao được.

Tiểu-dân. — Một cậu bé không giữ vệ-sinh.

Tại làm sao anh Thu hay đau yếu luôn, mà bao giờ cũng xanh-xao vàng-vọt làm vậy? Ấy chỉ vì không biết giữ



Thu đau yếu vì không biết giữ vệ-sinh.

vệ-sinh. Ta có ý trông mà xem: quần áo anh không chịu giặt luôn, nên bao giờ cũng cáu nhúng ghét⁽¹⁾. Anh rất là sợ nước; mùa hè, có khi một tháng anh mới tắm một lần. Nhà ở thì ẩm-thấp, lúc nào cũng đóng cửa kín mít. Anh lại hay thức khuya và dậy trưa. Tôi thấy vậy, đã nhiều lần khuyên anh theo phép vệ-sinh, nhưng anh không nghe, cho là bó buộc khó chịu. Nếu anh Thu cứ giữ cách ăn ở bẩn-thỉu⁽²⁾ như thế, thì không bao giờ được khỏe mạnh.

Câu hỏi. — Anh Thu ăn mặc thế nào? — Minh-mấy anh sao mà bẩn? — Nhà anh ở thế nào? — Anh Thu có mạnh khỏe không?

CÁCH-NGÔN. — Không biết vệ-sinh, hay sinh bệnh tật.

(1) đóng những đất — (2) dơ-dáy.

Ta phải năng tắm rửa cho sạch-sễ. Trong mình có sạch-sễ, thì mới được khỏe mạnh khoan-khoái. Người sạch-sễ, ví như cái hoa tươi tốt, đẹp-đẽ, ai trông thấy cũng yêu, cũng quý.

Tiêu-dân. — Phải sạch-sễ.

Người ta có sạch-sễ mới khỏe mạnh. Mà muốn sạch-sễ, phải năng tắm rửa.

Sáng nào dậy, cũng phải rửa mặt, rửa cổ, rửa tay.

Mùa đông cũng như mùa hè ⁽¹⁾, phải tắm gội luôn. Chớ sợ nước lạnh. Đứa bé sợ nước là đứa bé lười ⁽²⁾ và nhát.

Người ta nói : nước lã là ông thầy thuốc giỏi. Có nước mà tắm rửa luôn, thì mới được dỏ da, thắm thịt và khỏe mạnh trong mình.

Giải nghĩa. — *Khoan-khoái* == nhẹ-nhàng, dễ chịu.

Câu hỏi. — Muốn khỏe mạnh, phải thế nào ? — Muốn sạch-sễ, phải làm gì ? — Tại làm sao không nên sợ nước lã ? — Người ta cho nước lã là thế nào ?



Tắm gội.

CÁCH-NGÔN. — Năng tắm rửa mới được khỏe mạnh.

(1) hạ — (2) làm biếng.

Người sạch-sê là người biết tự trọng. Bông hoa quý về cái sắc đẹp, con người quý về sự sạch-sê. Người nào biết giữ cái thân-thể cho sạch-sê, tất là biết giữ cái linh-hồn cho trong sạch.

Tiểu-dân. — **Không sạch-sê thì còn gì là đẹp**

Thìn ở bản⁽¹⁾, mà vẫn ngỗ minh là đẹp. Một hôm⁽²⁾, nó thấy một bông hoa ở bên bờ hồ. Nó cúi xuống nhặt (lượm), nhưng nó nhận ngay mặt lại mà vứt đi. Có người



Hoa đã lấm rồi còn đẹp gì nữa!

trông thấy, hỏi nó rằng : « Làm sao thế ? » Nó đáp : « Cái hoa đã lấm bùn, chẳng còn đẹp gì nữa ». Người kia bảo : « Đây, thử xem, đã bản thì còn đẹp làm sao được. Cái hoa này còn ở trên ngành⁽³⁾, qui hóa biết là bao, mà rơi xuống đồng bùn bản, thì không còn giá trị gì nữa ».

Câu hỏi. — Thìn bản thế nào ? — Nó nhặt được cái gì ? ở đâu ? — Rồi nó lại làm gì ? — Người ta hỏi nó, nó đáp làm sao ? — Người ta lại giảng cho nó thế nào ?

CÁCH-NGÒN. — Nâu sông nào quản khen chê,
Khó thì cho sạch, rách thì cho thơm.

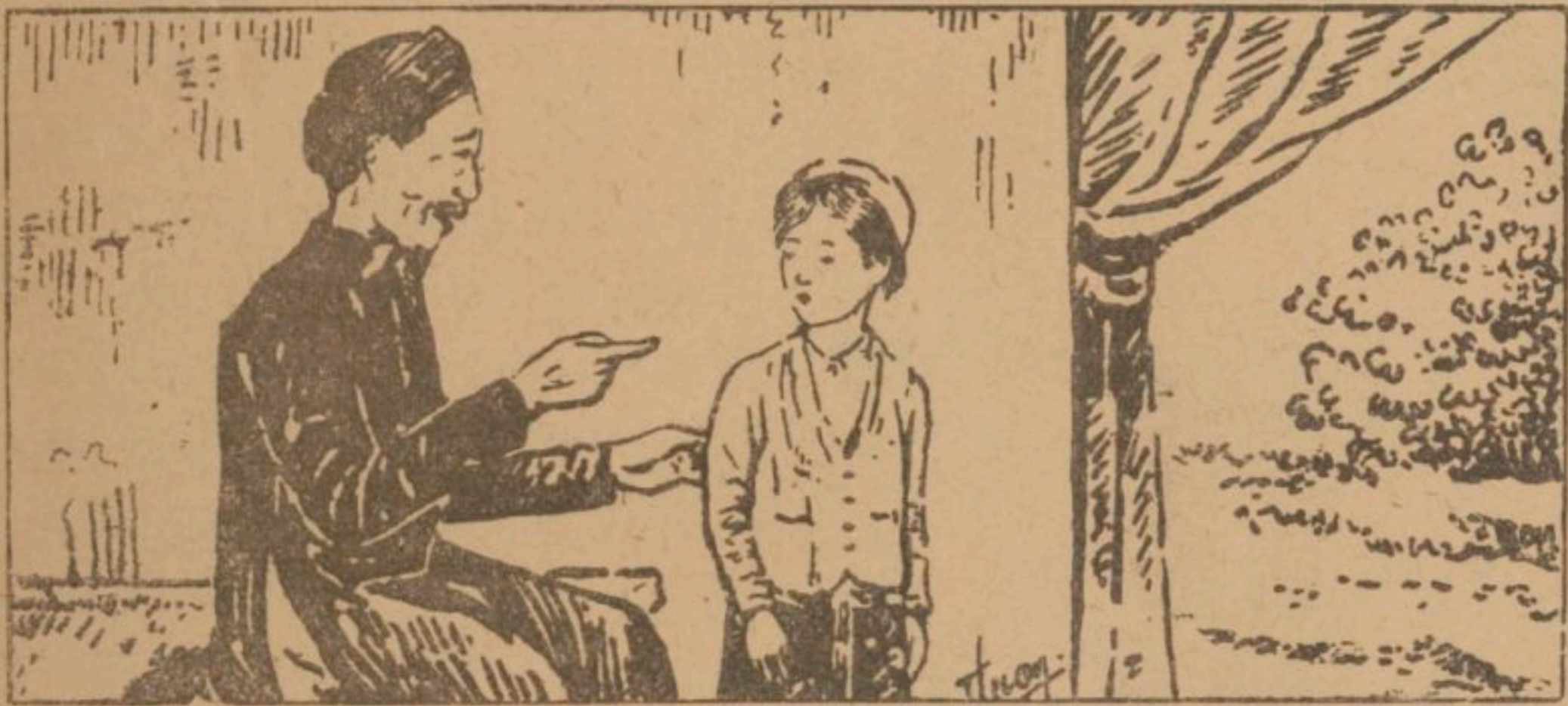
(1) đơ — (2) ngày kia — (3) nhánh.

Ăn ở sạch - sẽ với mọi người là một cách mình giữ lễ phép với người ta. Ăn ở với người ta mà bần-thỉu⁽¹⁾, là có ý khinh-bì người ta.

Sách có câu: người sạch-sẽ là người có giáo-dục. Cứ xem sự sạch - sẽ thì có thể phân biệt được người hay kẻ dở.

Tiêu-dẫn. — **Bần** (2) thì người ghét, **sạch** thì người ưa.

Con Thân bần (2) quá, không ai muốn cho lại gần. Một hôm⁽³⁾, cha nó đi đâu về, nó chạy ra sân đón. Cha nó thấy nó bần, mới mắng rằng: « ở bần thế này thì ai ưa được, chạy đi! »



Ở bần (2) thì ai ưa!

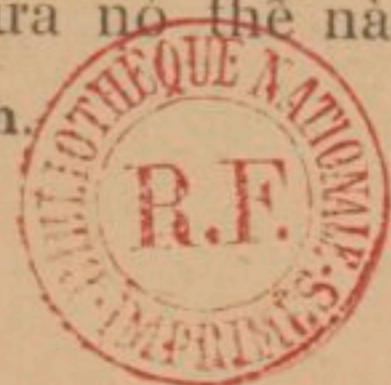
Lại một hôm⁽³⁾, nó thấy anh nó có quyển tranh đẹp, nó muốn mượn xem. Nhưng anh nó cũng không cho mượn, nói rằng: « Tay mày nhỏ-nhem (lem-luộc) thế kia, mó⁽⁴⁾ vào làm bần (2) cả sách của tao ra ».

Con Thân thấy tại mình bần-thỉu⁽¹⁾ cho nên ai cũng ghét. Từ hôm đó, tắm rửa luôn, thành ra một đứa bé rất sạch-sẽ. Ai trông thấy cũng yêu, cũng quý.

Câu hỏi. — Con Thân sao bị cha và anh hất-hủi? — Sau nó sửa mình nó làm sao? — Lúc nó sạch-sẽ, người ta ưa nó thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Mẫu mớ không bằng ở sạch.

(1) dơ-dáy — (2) dơ — (3) ngày kia — (4) sờ.



Ta không nên để mình-máy dơ-dậy, áo quần rách-rưới, nhà cửa rác bản⁽¹⁾. Người ở bản là người lười⁽²⁾, đáng khinh, ai trông thấy cũng phải ghê. Ở bản lại còn sinh ra lắm bệnh rất khó chịu và có khi nguy-hiểm nữa.

Tiêu-dẫn. — Đưa bé dơ bản.

Mùi ở bản⁽¹⁾ quá. Sáng dậy, nó chỉ lau qua hai bên má



Ở bản sinh ra bệnh tật

và cái mũi thôi. Nó sợ nước, không dám tắm mấy khi. Đầu nó không chải, răng không xỉa. Mũi thò-lò ra luôn. Quần áo rách-rưới và lấm-láp.

Mắt nó đau lèm-nhèm, mình nó đầy những nốt⁽³⁾ ghê. Nếu nó cứ ở bản⁽¹⁾ như thế mãi, chắc còn sinh ra nhiều bệnh tật nữa.

Không ai ưa được Mùi, ai trông thấy Mùi cũng phải ghê.

Giải nghĩa. — *Nguy hiểm* = có thể hại đến sức khỏe hay tính mệnh.

Câu hỏi. — Mùi dơ bản thế nào? — Ở bản hay sinh ra những bệnh tật gì? — Tại làm sao không ai ưa được người ở bản?

CÁCH-NGÔN. — Ở bản thì không ai ưa,

(1) dơ — (2) lười biếng — (3) dấu.

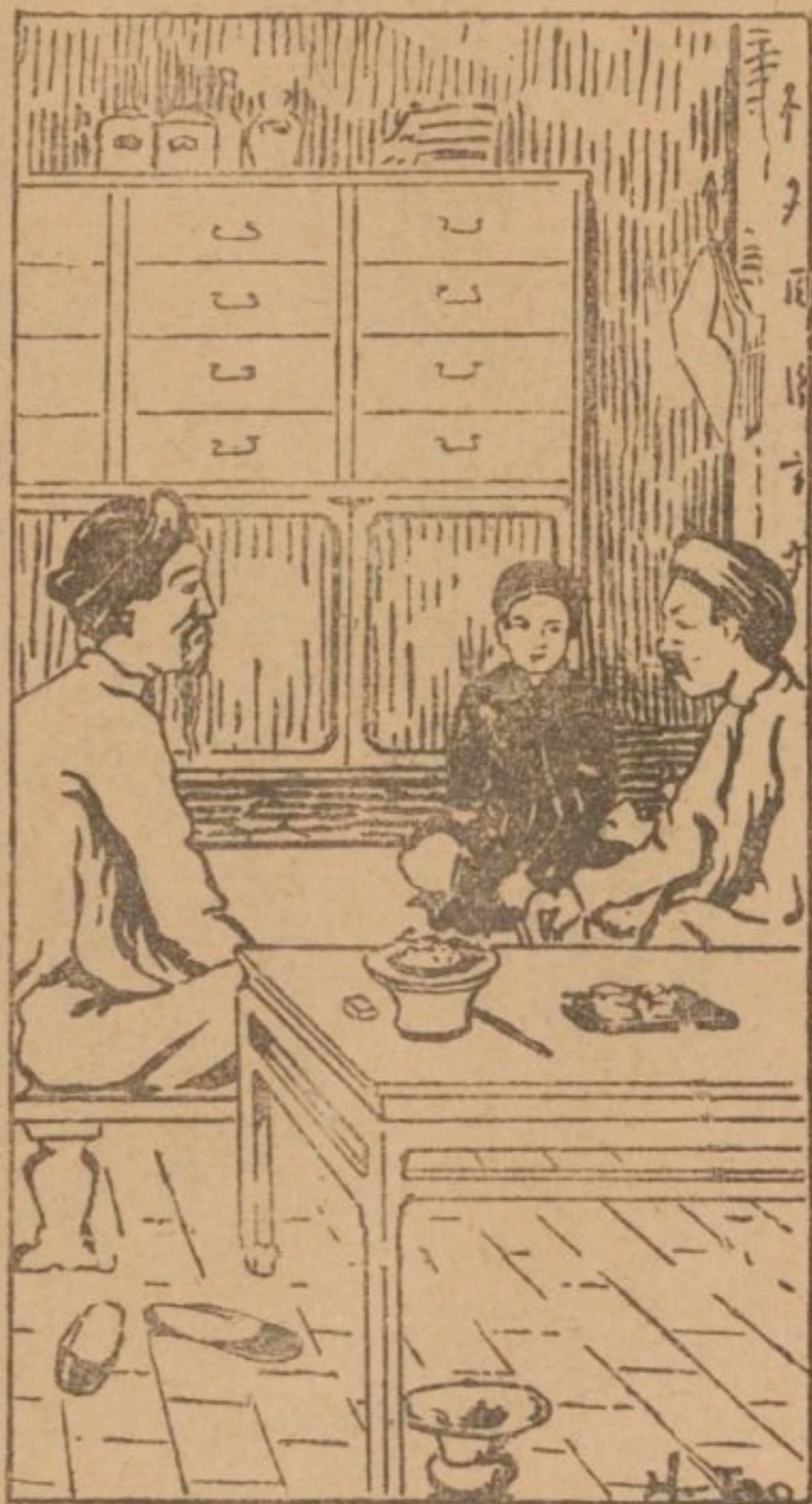
Ăn uống phải có điều-độ. Đói thì hãy ăn, khát thì hãy uống, mà bao giờ cũng cho vừa phải, đừng ít quá cũng đừng nhiều quá. Ăn uống có điều-độ thì người mới khỏe mạnh.

Tiểu-dân. — Thuốc tràng-sinh.

Một ông thầy thuốc đã già ngoại tám-mươi tuổi, mà thân-thể vẫn khỏe mạnh, tinh thần vẫn sáng-suốt. Có người hỏi ông dùng thuốc gì mà được sống lâu và khỏe mạnh như thế, thì ông trả lời rằng: « Cái bài thuốc *tràng-sinh* ấy chẳng khó gì, ông muốn dùng, tôi xin hiến. Bài thuốc ấy là ăn uống phải có điều-độ. Tôi sở dĩ được thể này là vì *bình-sinh* không hề ăn uống quá độ bao giờ ».

Giải nghĩa. — *Tràng-sinh* = sống lâu — *Bình-sinh* = suốt đời, ngày nào cũng thế.

Câu hỏi. — Ông lang đã già mà thân-thể, tinh-thần còn được thể nào? — Người ta hỏi ông gì? — Ông trả lời làm sao?



Ông thầy thuốc ngồi nói chuyện.

CÁCH-NGÓN. — Ăn để mà sống, chứ không phải sống để mà ăn.

Tham ăn là một nết rất xấu. Người ta phải ăn thì mới sống, nhưng kẻ tham ăn thì hình như sông để mà ăn. Ta chớ nên tham ăn. Nhiều khi chỉ vì miếng ăn mà phải chịu nhục và hại đến thân.

Tiêu-dẫn. — Đưa bé với lọ (1) kẹo.

Mẹ thằng Tí bảo Tí rằng : « Hôm nay mày ngoan, cho



ra tủ lấy kẹo trong lọ (1) mà ăn ». . . Tí đến, bung lọ ra, thò tay vào, bóc một bóc. Nhưng vì tham quá, bóc nhiều không rút tay ra được. Tí không biết làm thế nào, cứ nắm tay trong lọ mà khóc hu hu. Mẹ nó chạy đến, trông thấy thế, mắng rằng : « Tại mày bóc tham quá, nên không rút tay ra được. Bỏ bớt đi, thì việc gì đến nỗi thế ».

Câu hỏi. — Mẹ thằng Tí bảo nó gì ? — Tí đến làm gì ? — Sao Tí phải khóc ? — Mẹ Tí trông thấy bảo gì ?

Bóc tham quá.

CÁCH-NGÔN. — Tham thực cực thân.

(1) ve.

Ta phải giữ cho có tiết-độ, nghĩa là ăn uống, chơi-bời, làm-lụng, cái gì cũng đừng thái quá. Có tiết-độ thì mới khỏe mạnh và sống lâu được.

Tiêu-dẫn. — **Diêm-vương chọn (1) thủ-tướng.**

Một hôm, Diêm-vương hội cả các hung-thần lại để chọn (1) một viên *thủ-tướng*. Lệnh truyền ra, các hung-thần ở Âm-ty lũ lượt kéo đến. Thoạt tiên thì thầy thần Sốt-rét, thần Tê-



Diêm-vương chọn (1) thủ-tướng.

thập và thần Chiên-tranh, xưa nay ở chôn Âm-ty vẫn cho là *đắc-lực*. Sau lại thầy thần Dịch-hạch đến. Thần này cũng là một tay *cự-phách*, chẳng kém gì ba vị kia. Diêm-vương còn đang lưỡng-lự, chưa biết chọn ai, thì thầy bọn thần Nết-hư của loài người kéo đến. Thôi, lúc bây giờ Diêm-vương không còn do-dự gì nữa, chọn ngay thần Vô-tiết-độ, vì trong các hung-thần, thì thần này có tài hơn cả.

Giải nghĩa. — *Thủ-tướng* = chức quan đứng đầu cả các quan.
— *Đắc-lực* = được việc. — *Cự-phách* = tay giỏi.

Câu hỏi. — Diêm-vương kén chọn gì? — Sau cùng thì Diêm-vương chọn thần nào làm thủ-tướng? — Vì sao?

CÁCH-NGÔN. — Ăn uống chơi-bời phải có tiết-độ.

(1) lựa.

Đứa trẻ có nết tốt, bao giờ cũng tươi cười vui-vẻ. Nó nói gì hay làm gì, cũng ân-cần tử-tê, không để cho ai mếch lòng bao giờ.

Tiểu-dẫn. — Đứa bé tốt nết.

Sứu lúc nào trong bụng cũng vui.

Trời nắng to, nó vui, vì nó nghĩ bụng: có nắng, mẹ nó mới phơi được cau, được thóc.



Đứa bé tốt nết.

những ngày đi học nó cũng thích? — Tại làm sao người ta yêu nó?

CÁCH-NGÔN. — Người vui thì cảnh cũng vui.

(1) siêng.

Trời mưa to, nó vui, vì nó nghĩ bụng: có mưa, thì cha nó mới có nước cấy cây ngoài đồng.

Thứ năm, chủ nhật, nó vui đã đành, vì nó được chơi-bời với chúng bạn. Nhưng các ngày phải đi học, nó cũng vui, nó học rất chăm⁽¹⁾, vì nó biết có chịu học, ngày sau mới khá được.

Thằng Sứu sung-sướng thật. Ai ai cũng yêu nó, vì nó có bụng yêu hết mọi người. Lúc nào nó cũng tươi cười hớn-hở và tìm cách làm cho người ta được vui lòng.

Giải nghĩa. — *Mếch lòng* = chạnh lòng, làm cho người ta không được vui lòng.

Câu hỏi. — Sứu thấy nắng, sao mà vui? — Thấy mưa, sao mà vui? — Tại làm sao nó thích ngày thứ năm, chủ nhật? — Tại làm sao

Đứa trẻ ương (1) ngạnh gàn-dở (2) (trái chững), hay hờn giận, hay vị kỷ, cất miệng nói thì cầu-nhàu (3) (cầu-rầu), nết (4) mặt thì lúc nào cũng ử-dột, hay cau-quó, là đứa trẻ có nết xấu. Có nết xấu thì không ai ưa, mà lại khổ thân.

Tiểu-dẫn. — Đứa bé khó tính.

Thằng Dẫn lúc nào cũng cầu-nhàu (3) khó chịu, hình như không bằng lòng cái gì bao giờ cả.



Xấu nết thì không ai ưa.

Trời mưa, nó kêu, vì không thả được diều. Trời nắng, nó cũng kêu, vì làm cho chói mắt. Mùa hè, nó kêu là nực quá, chỉ muốn rét (lạnh); mùa rét, nó lại kêu là rét quá, chỉ muốn nực.

Bữa ăn, thì nó kêu thứ này mặn quá, thứ nọ nhạt (lạt) quá, thứ kia vô vị.

Đi học, thì nó kêu thầy giáo nghiêm-khắc quá, hay quở, hay phạt; chúng bạn độc-ác thâm-thiểm, không muốn chơi với nó.

Nghe Dẫn nói mà thương. Nhưng có biết đâu chỉ vì nó xấu nết, mà anh em và mọi người không ai ưa được.

Giải nghĩa. — Vị kỷ = chỉ biết có một mình mình.

Câu hỏi. — Dẫn thấy trời mưa, trời nắng, mùa nực, mùa rét, thì kêu làm sao? — Lúc ăn cơm, Dẫn kêu những gì? — Lúc đi học, Dẫn kêu thầy giáo và chúng bạn thế nào? — Tại làm sao không ai muốn chơi với Dẫn?

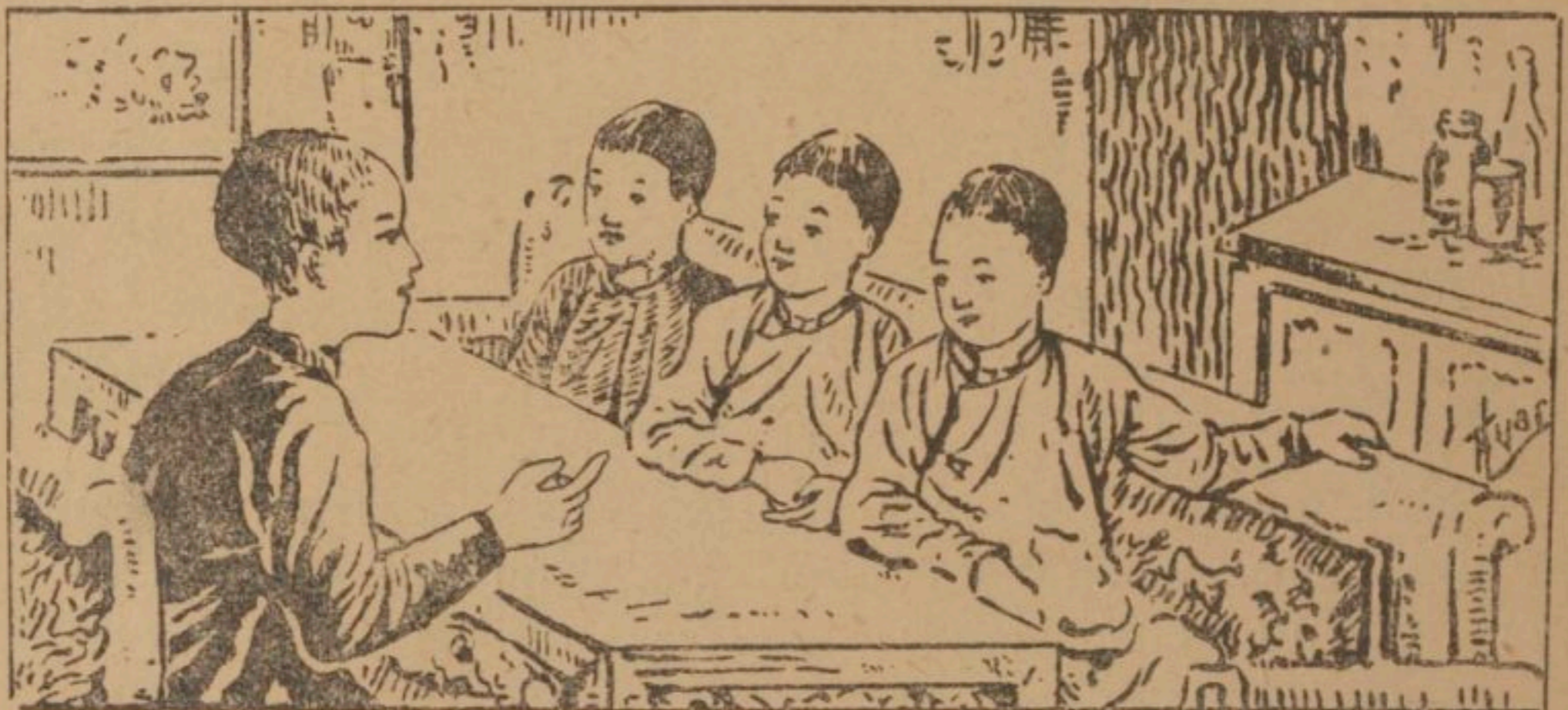
CÁCH-NGÔN. — Chẳng nên ử mặt chau mày,
Như xui những nổi đảng cay trong lòng.

(1) cường — (2) trái tánh — (3) quạu-quọ — (4) đáng

Người vui tính thì ai cũng ưa, vì đến đâu vui đấy. Ai buồn mà gần người vui tính, thì chẳng vui cũng đỡ buồn. Vậy ta phải giữ tính nết cho lúc nào cũng vui-vẻ, nét⁽²⁾ mặt lúc nào cũng tươi-tỉnh. Dầu có việc buồn, ta cũng không nên để lộ ra mặt.

Tiểu-dẫn. — Một đứa trẻ vui tính.

Anh Tám trông thấy ai cũng tay bắt mặt mừng. Anh chào hỏi ai, lời nói cũng vui-vẻ. Không bao giờ anh cau-



Tám nói chuyện vui-vẻ.

nhàu⁽³⁾ (càu-rầu), nhăn-nhó như nhiều đứa trẻ khác. Lúc nào coi anh cũng mau-mắn nhẹ-nhàng. Con mắt anh, nét⁽²⁾ mặt anh lúc nào cũng tươi cười, ai trông thấy cũng phải bằng lòng. Anh Tám là một người rất vui tính.

Câu hỏi. — Anh Tám gặp ai, chào hỏi thế nào? — Khi anh chào hỏi ai, thì dáng điệu thế nào? — Con mắt anh, nét mặt anh thế nào? — Anh Tám là người thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Trong khi trò-chuyện với nhau,
Chớ găm con mắt, chớ cau lông mày.

(1) tánh — (2) dáng — (3) quạu-quọ.

Cái tính⁽¹⁾ ôn-hòa là tính không ác-nghiệt giận-dữ, không bao giờ ăn nói thô-tục hay hỗn-hào với ai. Người ôn-hòa không ai thù-hằn mà ai cũng quý mến.

Tiểu-dân. — Một đứa bé ác.

Các anh hãy trông thằng bé kia, nó đi lủi-thủi một mình, mặt cúi gằm xuống đất: đây là thằng Nam, dữ tợn có tiếng,



Không ai muốn gần đứa ác.

trẻ con⁽²⁾ trong làng, đứa nào cũng khiếp sợ. Chưa ai từng nghe thầy nó nói một câu tử-tê, hỗn-hậu bao giờ. Đối với người lớn, thì nó xấc-láo, đối với trẻ con, thì nó hung tợn. Nó không bằng lòng đứa nào, là nó sinh-sự lời-thời, chửi đánh ngay, làm cho kỳ phải khiếp sợ, nó mới nghe. Ấy bởi thằng Nam có tính xấu ấy, nên không ai chơi với nó.

Câu hỏi. — Tại làm sao thằng Nam lại lủi-thủi một mình? — Đối với người lớn, nó ăn ở thế nào? — Đối với trẻ con, nó thế nào?

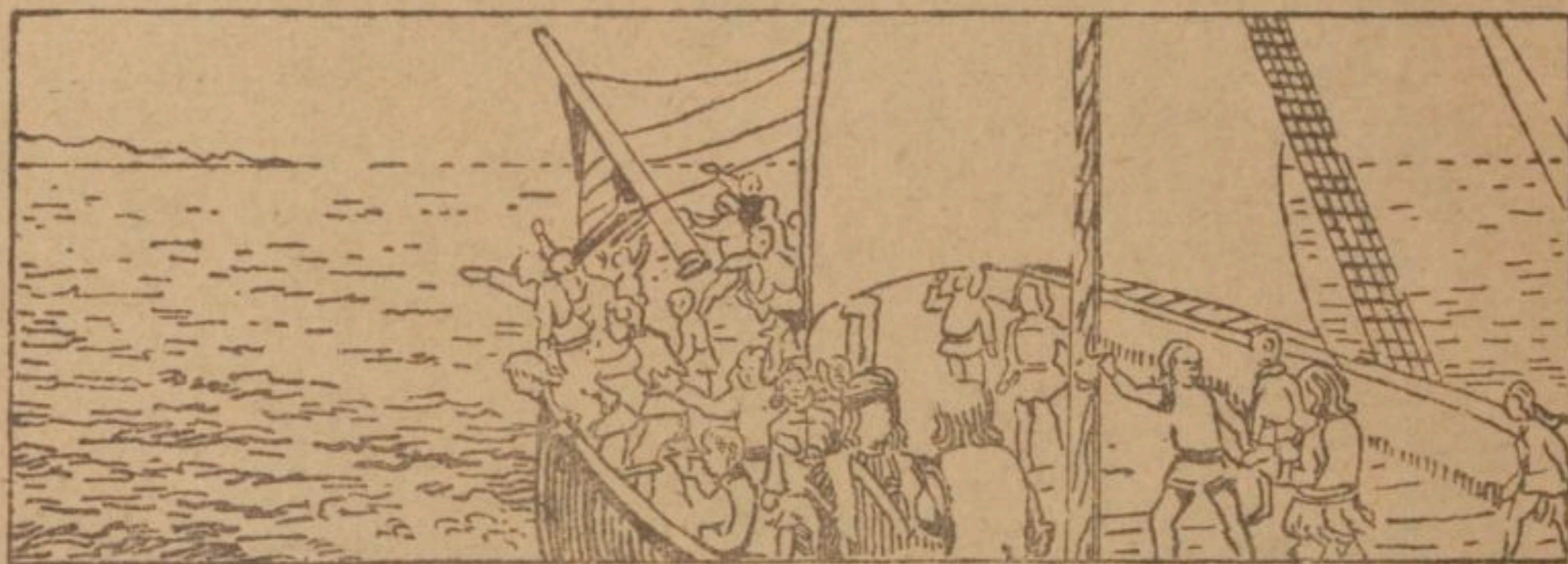
CÁCH-NGÔN. — Nhưng người quí quái tính ma,
Mình làm, mình chịu, kêu mà ai thương.

(1) tánh — (2) con nít.

Nhân-nại là cái đức tính ⁽¹⁾ làm cho ta chịu được những điều đau-đớn khổ-sở. *Nhân-nại* lại là cái tính trầm-tĩnh, chờ đợi cái gì mà không nóng-nảy. Công việc thành hay bại là thường do ở tính ấy hơn là ở tài năng. Vậy ta phải tập *nhân-nại* cho quen.

Tiểu-dân. — **Tìm được Tân-thế-giới.**

Độ bốn trăm năm về trước, người ta chỉ biết có một nửa thế-giới mà thôi. Sau, ở bên Tây có một người tên là Kha-luân-bô (Christophe Colomb) học-tập *khảo-cứu* mới biết



Kha-luân-bô đi tìm Tân-thế-giới

rằng ở ngoài biển chắc còn có đất khác nữa mà chưa biết. Ông quyết chí đi tìm đất ấy, mới dâng sớ xin vua các nước bên Tây cho một đội *hải-thuyền* đưa đi. Nhưng không ai nghe, cho ông là người cuồng dại. Cách mấy năm ông mới xin được vua nước Y-pha-nho cấp cho ba chiếc thuyền ⁽²⁾.

Khi ra đên giữa biển, bọn *thủy-thủ* ⁽³⁾ trông không thấy gì, lại bắt ông phải quay thuyền trở về. Ông không chịu, cứ nhất định thẳng buồm đi cho đến khi trông thấy bờ bãi đất mới.

Ông tìm ra được đất Mỹ-châu bây giờ, làm cho cái cảnh thế-giới khác hẳn đi. Ấy cũng là nhờ ông có tính *nhân-nại* mới nên được cái công-nghiệp lớn-lao như vậy.

Giải nghĩa. — *Trầm-tĩnh* = yên lặng. — *Khảo-cứu* = tra xét. — *Hải-thuyền* = thuyền đi bể. — *Thủy-thủ* = người làm công việc dưới tàu.

Câu hỏi. — Ai tìm ra được Mỹ-châu? — Ông Kha-luân-bô gặp những sự khó-khăn thế nào? — Ông *nhân-nại* làm sao?

CÁCH-NGÔN. — Một sự nhịn là chín sự lành.

(1) tánh — (2) ghe — (3) bạn tàu.

Hay trạnh lòng nghĩa là hơi phạm đến mình một tí, là không bằng lòng. Tính ấy là một tính xấu, thường làm cho ta phải nhiều điều bực - bới, suy - xét không được chính - đáng và mất cả bạn hữu.

Tiểu-dẫn. — Đứa bé hay trạnh lòng.

Tôi đang nói chuyện với anh Sáu, thì trông thấy anh Bảy, đang xa đi lại. Anh Sáu muốn tránh, nói rằng : « Tôi



Không nên hay mếch lòng.

không muốn gặp cái người ấy. — Tại sao thế ? hai anh chơi thân với nhau kia mà ! — Phải, thân đây, nhưng mà anh ấy khinh tôi, thì tôi không dám chơi nữa. — Anh ấy khinh anh thế nào ? — Anh tính hôm nọ nói chuyện với tôi, anh ấy lại bảo rằng : « Tôi thương những người nghèo khổ lắm », thì có nghe được không ? Ai chẳng biết nhà anh ấy giàu hơn nhà tôi ! — Chết nỗi, anh hay mếch lòng như thế, có khi mất cả bạn hiền. Anh Bảy nói vậy là tinh thật, chứ không phải khinh anh đâu. Và lại, tuy anh không giàu bằng anh Bảy, nhưng anh có nghèo khổ đâu mà anh trạnh lòng ! »

Anh Sáu nghe ra, đứng đợi anh Bảy đến, chuyện - trò vui - vẻ.

Câu hỏi. — Tại làm sao anh Sáu trông thấy anh Bảy lại muốn tránh ? — Anh Sáu nói anh Bảy làm sao ? — Anh nghĩ anh Sáu thế nào ?

CÁCH-NGÔN. — Trạnh lòng nên phải cực lòng.

Sự nóng-nảy khiến mình làm lắm điều hung-bạo, trái với lẽ phải. Người có nhân-cách, bao giờ cũng phải giữ cho ôn-hòa, hân-hậu, không nên hơi một tí là đã phát khùng, phát bần, làm điều vô lý.

Tiêu-dẫn. — Vợ chồng nhà gấu.

Một hôm, con gấu đực giận quá, cắn con gấu cái, đến nỗi hồng mắt một mắt. Lúc người con giận, gấu đực lây



Vợ chồng nhà gấu.

làm hồi-hận lắm, bèn nhỏ móng vứt đi, rồi xin lỗi gấu cái rằng : « Tôi xin mình bớt dạn làm lành, tôi tự biết rằng không phải với mình, bao nhiêu móng chân tôi đã nhỏ mà vứt đi cả rồi. » Gấu cái bảo gấu đực rằng : « Chẳng biết hồi thế, thiệp cũng người lòng, nhưng giá lúc này chàng đừng nóng-nảy quá, thì có phải bây giờ vợ chồng ta hãy còn lành-lặn cả không? »

Giải nghĩa — Hung-bạo — dữ-dội, ác-nghiệt. — Ôn-hòa = dịu-dàng, êm-ái. — Hân-hậu = trung-hậu, thật-thà.

Câu hỏi. — Gấu đực giận dữ, làm gì? — Đến lúc người con giận, gấu đực hồi-hận thế nào? — Gấu đực bảo gấu cái làm sao? — Gấu cái trả lời thế nào?

CÁCH-NGÔN. — No mắt ngon, giận mắt khôn.

Người hung-tợn thì làm gì cũng không nghĩ trước nghĩ sau, cứ để cái lòng nóng-nảy một lúc, nó sai khiến, nên nhiều khi làm điều không phải lẽ, đến sau dẫu có hối lại cũng không kịp. Ta không nên hung-tợn.

Tiêu-dẫn. — Chuyện ông hoàng Hung

Một ông hoàng hay có tính hung-tợn. Một hôm, gặp một bà tiên cho một cái chén ngọc, và bảo rằng: « Khi nào sắp đến cơn nóng-nảy, thì lấy chén này, múc đầy nước, uống làm ba bận, thì tức khởi. » Ông hoàng Hung theo y như lời dặn, thì thấy phép ấy công-hiệu lắm. Đến sau, lại được gặp bà tiên, ông nói rằng: « Phép bà dạy cho tôi, thật là thần-hiệu; tôi nhờ phép ấy mà nay đã khởi được tính hung-tợn. » Bà tiên nói rằng: « Cái chén ấy không có phép gì lạ đâu. Sở dĩ ông khởi được tính hung-tợn, là vì khi sắp có cơn giận, mà ông đi múc nước vào chén, ông lại uống nước làm ba bận, thì cơn giận của ông đã nguôi đi rồi, không còn đủ sức mạnh mà khiến được ông nữa. »



Giải nghĩa. — *Hối* = ân-hận vì mình đã làm điều không phải.

Hoàng Hung nói chuyện với tiên

Câu hỏi. — Ông hoàng Hung hay có tính gì? — Bà tiên cho ông gì và dặn làm sao? — Khi ông gặp bà tiên lần thứ hai, thì ông nói gì? — Bà tiên đáp lại làm sao?

CÁCH-NGÔN. — Ta nên tránh xa những người hung tợn.

Người có can-đảm thầy sự nguy-hiểm không sợ. Dầu việc khổ đến đâu mặc lòng, bao giờ cũng làm hết bổn-phận mình. Lại hay cứu giúp người khốn-đốn, bênh-vực kẻ hèn yếu.

Tiểu-dân. — **Bênh - vực** kẻ hèn yếu.

Anh Trịnh, vì cái tật gù lưng mà nhiều khi đã phải khốn-nạn! Các bạn hễ trông thầy anh ấy đau, là chê-nhạo chọc-gheo đây. Anh Trịnh không dám nói gì, hễ bị chê-nhạo quá, thì chỉ sụt-sùi khóc. Một hôm (2), anh Ất trông



Ất bênh Trịnh.

thầy thê, nói rằng: « Từ rày đũa nào còn chọc-gheo anh Trịnh, tao sẽ bảo! Tao đánh cho thi đừng có kêu! »

Anh Giáp tưởng là Ất nói khoác, lại đến nghịch anh Trịnh, bị anh Ất đánh cho một trận. Tự đây trở đi, không ai dám chọc-gheo anh Trịnh nữa. Thấy giáo đề cho anh Trịnh ngồi cùng bàn với anh Ất. Bây giờ (3) hai anh chơi thân với nhau lắm.

Giải nghĩa. — **Khốn-đốn** = người nghèo-khó khổ-sở.

Câu hỏi. — Tại làm sao bạn lại chế anh Trịnh? — Anh Trịnh bị chế thì làm gì? — Anh Ất bảo các bạn làm sao? — Anh Giáp làm gì mà bị đánh? — Trịnh với Ất ngồi đâu và chơi với nhau thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha!

(1) đởm — (2) ngày kia — (3) lúc ấy.

Can-đảm (1) không phải là chỉ để làm việc khó khăn hiểm-nghèo mà thôi. Giữ cách ăn chơi cho có điều-độ, không lười-biếng, không xa-xỉ, chịu sự nghèo khổ, đau-đớn, đều phải có can-đảm mới được.

Tiểu-dẫn. — Một đứa bé có can-đảm.

Anh Lê tuy còn ít tuổi mà đã có can-đảm (1) như người lớn. Tháng trước, anh đau nhọt phải vào nhà thương, thấy thuốc mỡ nhọt, nặn máu ra, anh đau lắm; thê mà chỉ xit-xa thôi, chứ không kêu khóc âm-ỹ như những người khác.

Trời rét (2) như cắt ruột, anh em thì áo mền, áo kép (3), anh thì chỉ một manh áo vải. Tuy vậy anh cũng không *án-hận* rằng phận nghèo phải chịu rét mà cũng không phàn-nàn với ai.

Hôm nọ ở nhà, anh đang đi ngoài sân, vấp ngã sưng cả trán. Cha anh trông thấy, sợ, kêu lên. Thê mà anh thì *điềm-nhiên* như không, nói rằng: « Con không đau », rồi lại vui-vẻ như thường, để cho cha khỏi sợ.



« Con không đau ».

Giải nghĩa. — *Án-hận* = không bằng lòng — *Điềm-nhiên* = không đổi sắc mặt.

Câu hỏi. — Anh Lê tại sao phải vào nhà thương? — Thầy thuốc mỡ nhọt cho anh, anh làm gì? — Trời rét, anh ăn mặc làm sao? — Tại sao anh không phàn-nàn? — Anh ngã ở đâu? — Cha anh làm gì? — Anh đứng dậy nói gì?

CÁCH-NGÔN. — Đã sinh ra kiếp đàn ông.

Đèo cao, núi thẳm, sông cùng quán chi.

(1) *đỡ* — (2) lạnh — (3) lót.

Kẻ hèn-nhát là kẻ không có can-đảm (2), trông thấy người ta bị sự nguy-hiểm thì sợ chạy, không có gan dên cứu. Kẻ hèn-nhát thật đáng khinh-bĩ.

Tiểu-dân. — **Thằng bé hèn-nhát.**

Nam và Bắc đi chơi ở bờ sông. Nam trông thấy cái hoa, chạy lại hái, chẳng may trượt chân, ngã ngay xuống



Đông giờ cành (3) cây cho Nam bấu lấy.

nước. Bắc thấy vậy, cảm đầu chạy, không dám ngoảnh lại. May sao có Đông đi đến đây, thấy tiếng kêu, chạy lại, bẻ một cành (3) cây, giờ cho Nam bấu lấy rồi kéo vào bờ. Nam lên được rồi, nói rằng: « Thằng Bắc nó hèn quá, giá không có anh chạy lại, thì bây giờ tôi đã chết đuối rồi ».

Câu hỏi. — Nam và Bắc chơi ở đâu? — Nam làm gì? — Nam bị ngã xuống đâu? — Bắc thấy thế làm gì? — Ai đến cứu Nam lên bờ?

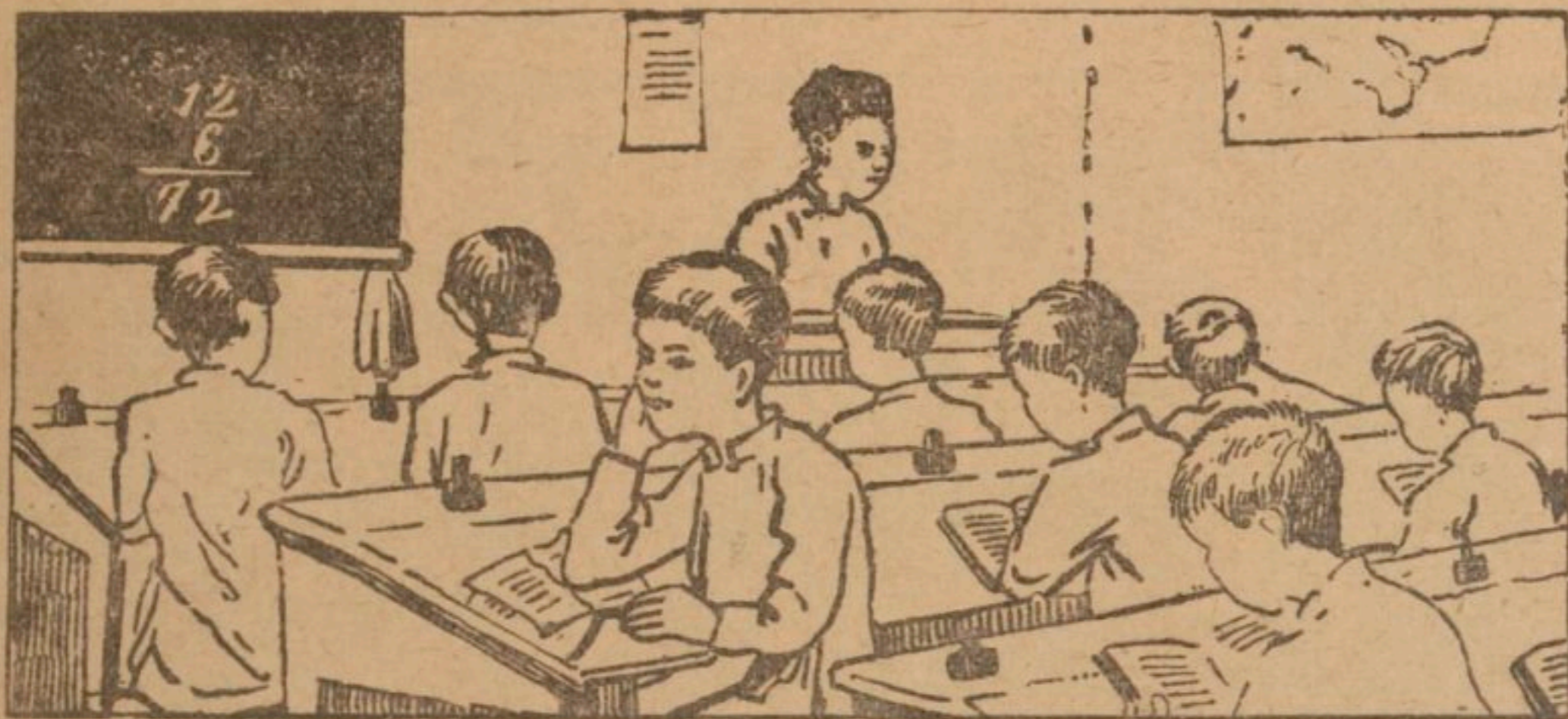
CÁCH-NGÔN. — Kiên nghĩa bất vi, vô dũng dã.

(1) tánh — (2) đởm — (3) ngành.

Chú ý là đem ý-tức của mình chú vào một việc gì, để hiểu cho rõ hay làm cho được. Có chú ý thì việc làm mới không lầm-lỗi, hư hỏng⁽¹⁾. Vậy lúc đi học cũng như lúc đi làm, bao giờ ta cũng phải chú ý vào việc của mình.

Tiểu-dân. — Một đứa trẻ có ý và một đứa không có ý

Ngọ và Mùi cùng đi học với nhau một trường. Hai đứa đều có khiếu thông minh cả, nhưng Ngọ thì hay đãng



Ngọ không nghe lời thầy giảng.

(lãng) trí. Ngồi ở lớp, tuy làm ra bộ chăm-chỉ, mà kỳ thật thì bụng để ở đâu đâu. Thấy nói gì anh cũng không để tai nghe, bởi thế cho nên anh không hiểu bài học, thường hay phải quở phải phạt.

Mùi thì không thế, ở lớp học bao giờ cũng để tâm vào việc học. Khi thấy giảng bài, thì anh để ý nghe cho hiểu. Hễ điều gì hiểu chưa rõ, thì anh lại xin thầy giảng lại cho nghe. Vì anh chú ý về việc học như thế, cho nên anh học chóng tàn-tới lắm, và cứ ngồi đầu lớp luôn.

Câu hỏi. — Anh Ngọ ngồi ở lớp học thường hay thế nào? — Anh Mùi thì thế nào? — Hai anh khác nhau thế nào?

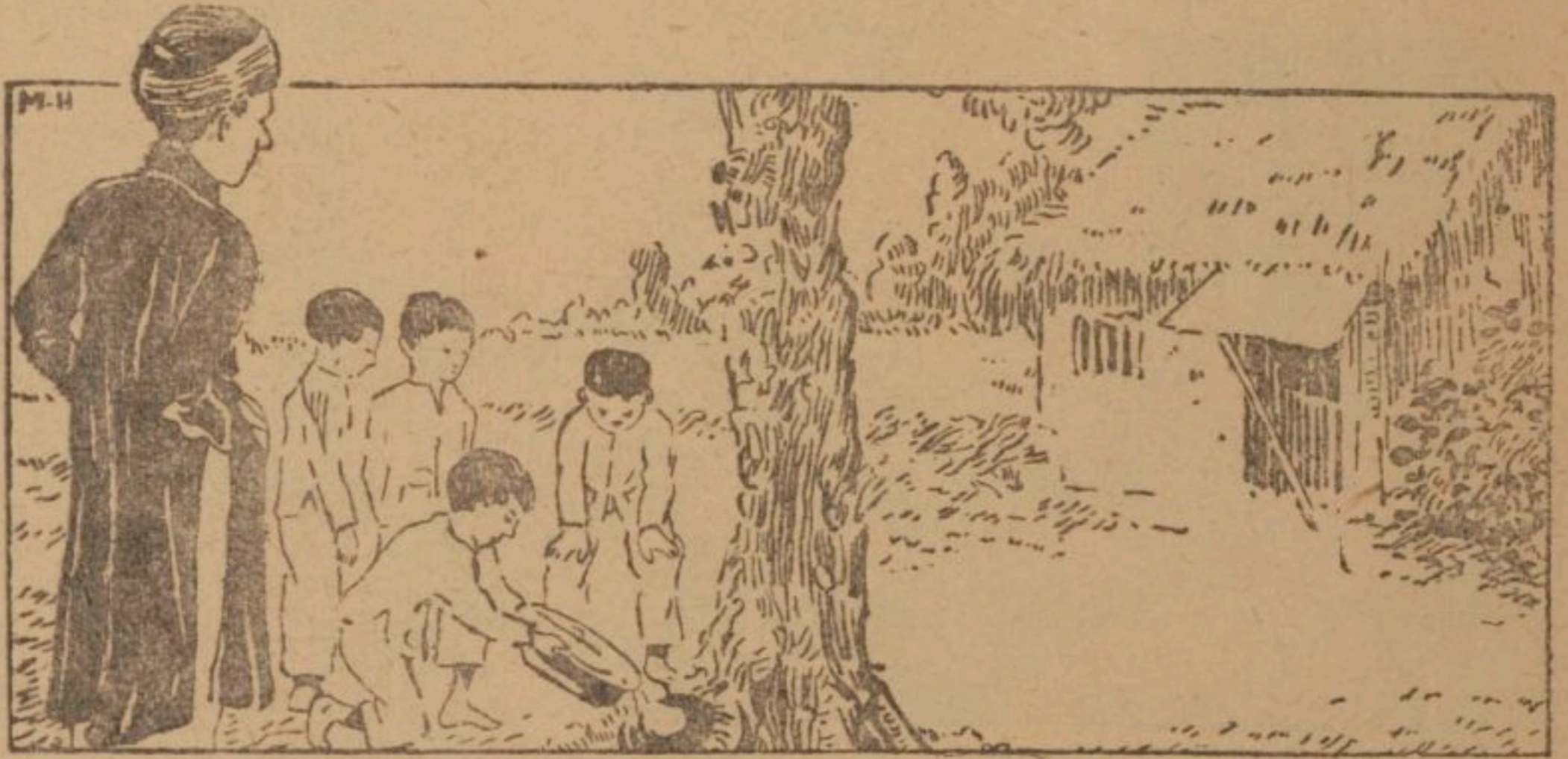
CÁCH-NGÔN. — Khẩu nhi tụng, tâm nhi suy.

(1) hại.

Người mau trí-khôn là người sáng việc và nhanh⁽¹⁾ trí, gặp khi nguy biến, hoặc có điều gì khó-khăn, chề biên ngay được, không bồi-rôi hoảng-hốt. Mau trí-khôn là rất có ích cho người ta.

Tiểu-dẫn. — **Chuyện một đứa trẻ mau trí-khôn**

Ông Lương-Thê-Vinh là người có danh tiếng nước ta ngày trước. Thuở còn nhỏ, ông đã có tiếng thông minh.



Lương-Thê-Vinh đổ nước vào hố.

Một hôm; ông đang chơi với lũ trẻ ở bờ đường. Có một người đi qua đây, muốn thử xem đứa nào mau trí-khôn hơn, bèn đem trái bưởi bỏ xuống một cái hố⁽²⁾ (lỗ) sâu, rồi dò lũ trẻ rằng: « Đứa nào lấy lên được thì tao thưởng tiền cho ». Những đứa trẻ kia đứng ngo-ngác, không biết làm thế nào. Lương-Thê-Vinh chạy đi múc nước đổ đầy hố⁽²⁾, trái bưởi tự nhiên nổi lên, lấy ngay được. Ai cũng khen Lương-Thê-Vinh là đứa trẻ mau trí-khôn.

Giải nghĩa. — *Chế biến* = thay đổi cho khỏi hỏng việc.

Câu hỏi. — Ông Lương-Thê-Vinh thuở nhỏ có tiếng là người thế nào? — Người ta thử lũ trẻ thế nào? — Ông làm thế nào mà lấy được trái bưởi ở dưới hố?

CÁCH-NGÔN. — Gặp việc khó không nên rối trí.

(1) lanh — (2) hang.

Tính⁽¹⁾ trẽ-nải là tính gặp sao hay vậy, không chú ý quan tâm đến việc mình làm. Người có tính ấy làm việc gì cũng hay hư-hỏng.

Tiểu-dẫn. — Thằng bé⁽²⁾ trẽ-nải.

Thằng Nhân là một đứa bé có tính⁽¹⁾ trẽ-nải.

Một hôm cha mẹ bảo nó đi chăn trâu, đã dặn buộc trâu, giữ-gìn cho cẩn-thận, chớ có thả trâu đi ăn rong⁽³⁾. Lúc nó đang chăn trâu, có thằng Lộc đem cái ống xi-đồng⁽⁴⁾ đi qua, gọi nó bảo rằng:

« Mày đi ra chỗ cây gạo ở ngã ba với tao đi. Xem tao thổi chim có giỏi không ».

Nhân thích quá, bỏ trâu, chạy theo Lộc, dón-dén đến chỗ cây gạo. Lộc giơ ống xi-đồng thổi, trúng một con chim, lăn xuống đất. Nhân vỗ tay khen: « Bắn giỏi lắm! » Chim thấy động, bay mất cả. Khi Nhân trở về chỗ chăn trâu, thì không thấy trâu đâu nữa. Trông đằng xa, thấy mấy người đang đuổi con trâu chạy lóng qua ruộng, mãi mới bắt được. Cha mẹ Nhân phải đến tiễn cho những nhà có ruộng bị trâu giẫm nát và đánh mắng thằng Nhân về tội trẽ-nải ấy.



Nhân bỏ trâu đi xem thổi chim.

Giải nghĩa. — Quan tâm = để bụng vào việc làm.

Câu hỏi. — Thằng Nhân có tính xấu gì? — Một hôm nó chăn trâu vì trẽ-nải mà bị làm sao? — Nếu Nhân không chịu sửa nết đi thì sau hại thế nào?

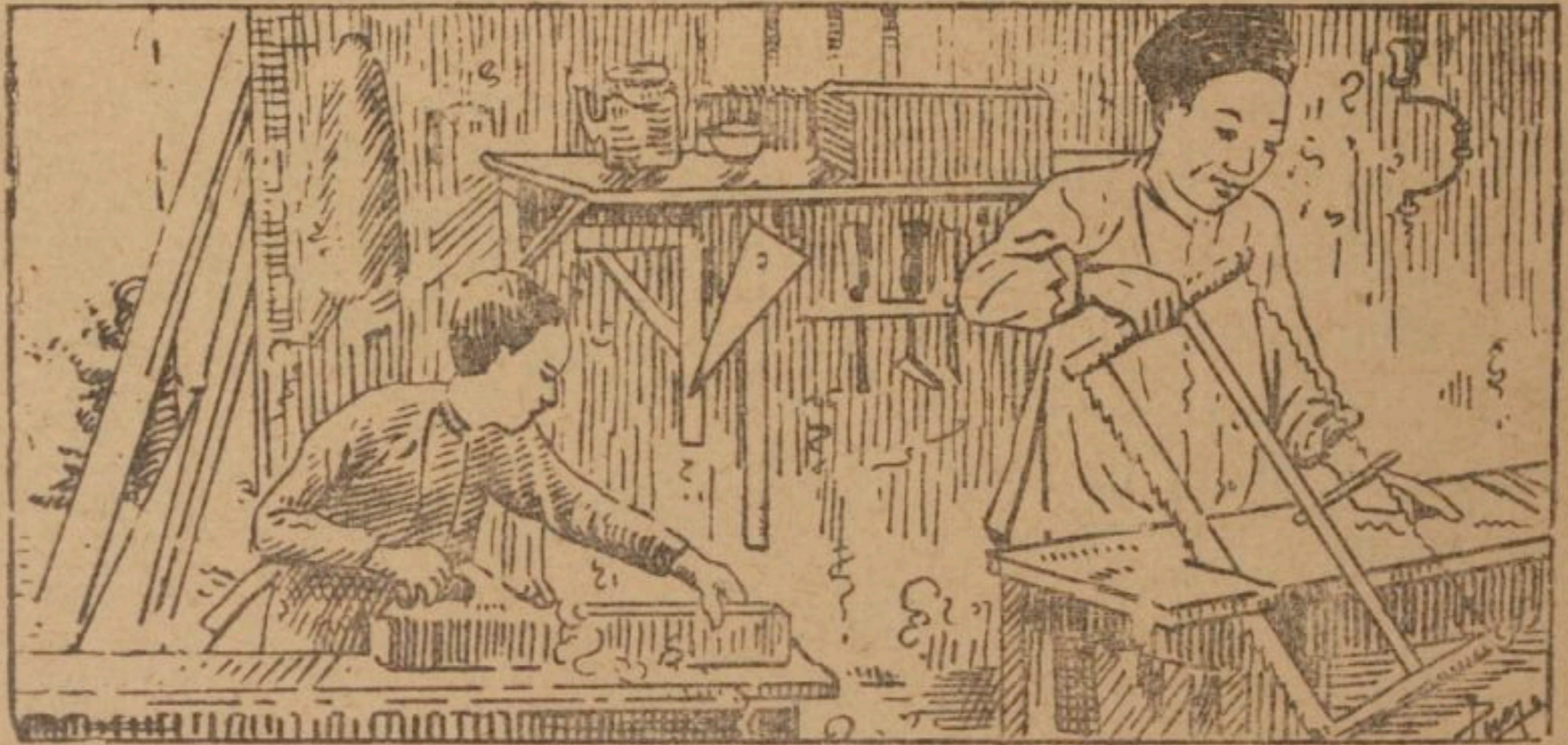
CÁCH-NGÔN. — Người trẽ-nải không làm nên việc gì.

(1) tánh — (2) nhỏ — (3) ăn càn — (4) ống thổi chim.

Tính ⁽¹⁾ *lười-biếng* ⁽²⁾ là tính không muốn làm-lụng khó nhọc, chỉ ăn không ngồi rồi. Ai có tính xấu ấy, thì không học-hành gì được, chung thân là người vô ích cho mình, cho nhà và cho xã-hội.

Tiểu-dân. — **Một đứa bé lười-biếng.**

Lăn là một đứa bé lười-biếng ⁽¹⁾. Sáng thì dậy trưa, mặt không rửa, đầu không chải. Ở nhà, không bao giờ nó chịu



Lăn phải đi học nghề thợ mộc.

làm-lụng việc gì để giúp đỡ cha mẹ. Cha mẹ cho đi học, thì không chịu học-hành và lại hay trốn đi chơi. Thầy giáo quở phạt mãi không được, phải đuổi ra không cho học nữa. Cha mẹ nó thấy nó lười-biếng như thế, lầy làm buồn-rầu lắm, và chẳng lẽ để nó ngồi ăn không, mới cho đi ở làm công với người làng bên cạnh. Người ta bắt nó làm-lụng khổ-sở, bây giờ nó mới biết hối, nhưng chậm quá mất rồi.

Câu hỏi. — Thằng Lăn là người thế nào? — Tại làm sao nó đi học lại phải đuổi? — Tại làm sao mà cha mẹ nó buồn? — Cha mẹ cho nó đi làm gì? — Về sau nó biết hối thế nào?

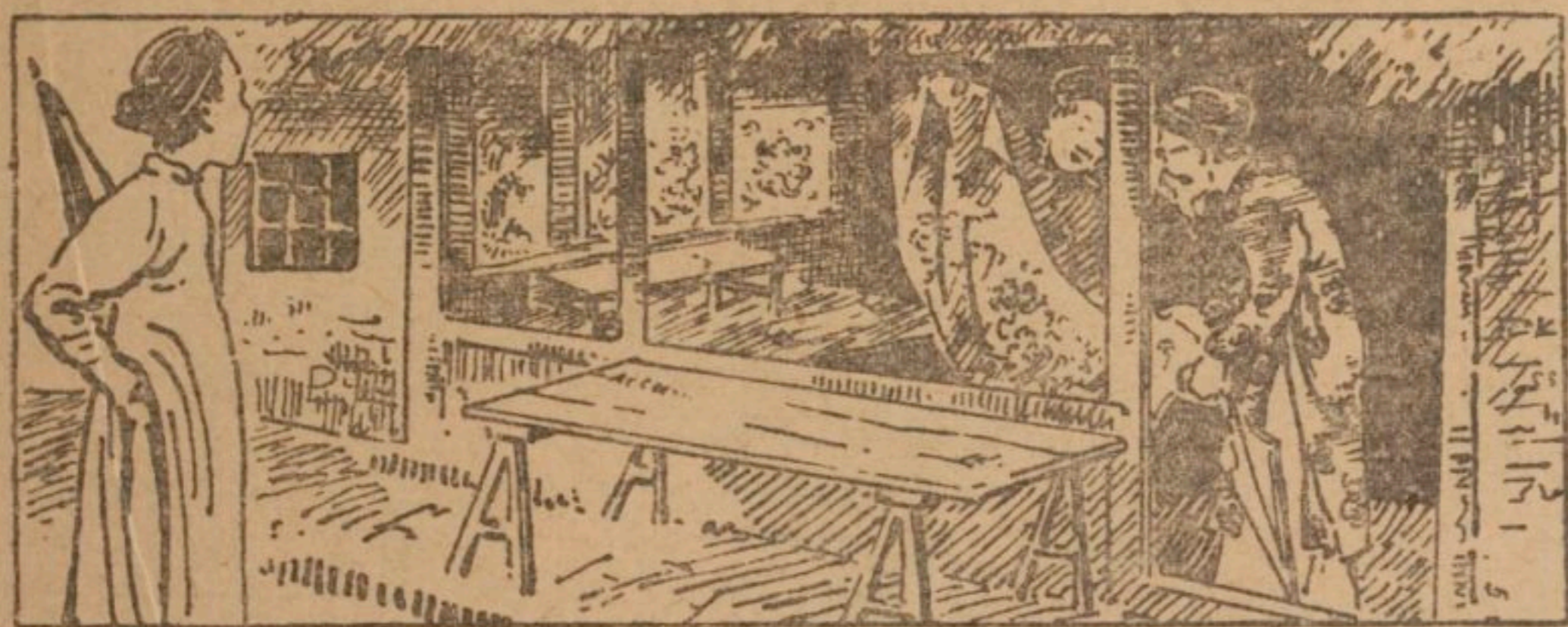
CÁCH-NGÔN. — Giàu đâu đến kẻ ngủ trưa.

(1) tánh — (2) làm biếng.

Nói xấu là đem chuyện xấu của người ta ra mà nói, để làm cho người ta thiệt hại hay mất danh-giá. Người hay nói xấu là người bụng dạ hẹp-hòi, không có lòng nhân-tử. Ta chớ nên nói xấu ai bao giờ.

Tiêu-dẫn. — Ất hay nói xấu.

Anh Giáp nhà nghèo, làm nghề thợ thêu để nuôi vợ con. Anh không được tài khéo như những thợ ở chôn thành-thị, nhưng làm cái gì cũng thật-thà cẩn-thận. Một hôm,



Hàng thợ thêu.

có người nhà giàu đến đặt làm mấy bộ đồ thêu để làm quà cho người ta. Giá anh làm được món đồ ấy, thì may cũng đỡ túng. Nào ngờ anh Ất ở bên láng-diềng đến bảo người nhà giàu rằng : « Sao ông lại đem cho Giáp làm những đồ thêu ấy ? Hẳn thêu có ra trò gì đâu ! » Người kia nghe nói thế, không đặt cho Giáp làm nữa, ra tình thuê người khác làm. Cũng vì thế mà về sau không mấy người đến mua hàng của anh ta nữa.

Chẳng được bao lâu anh Giáp nợ-nần, bị chủ nợ lay mặt cả đồ-đạc. Ấy cũng vì một điều nói xấu của anh Ất mà làm cho cả nhà anh Giáp phải khổ-sở (cực-khổ).

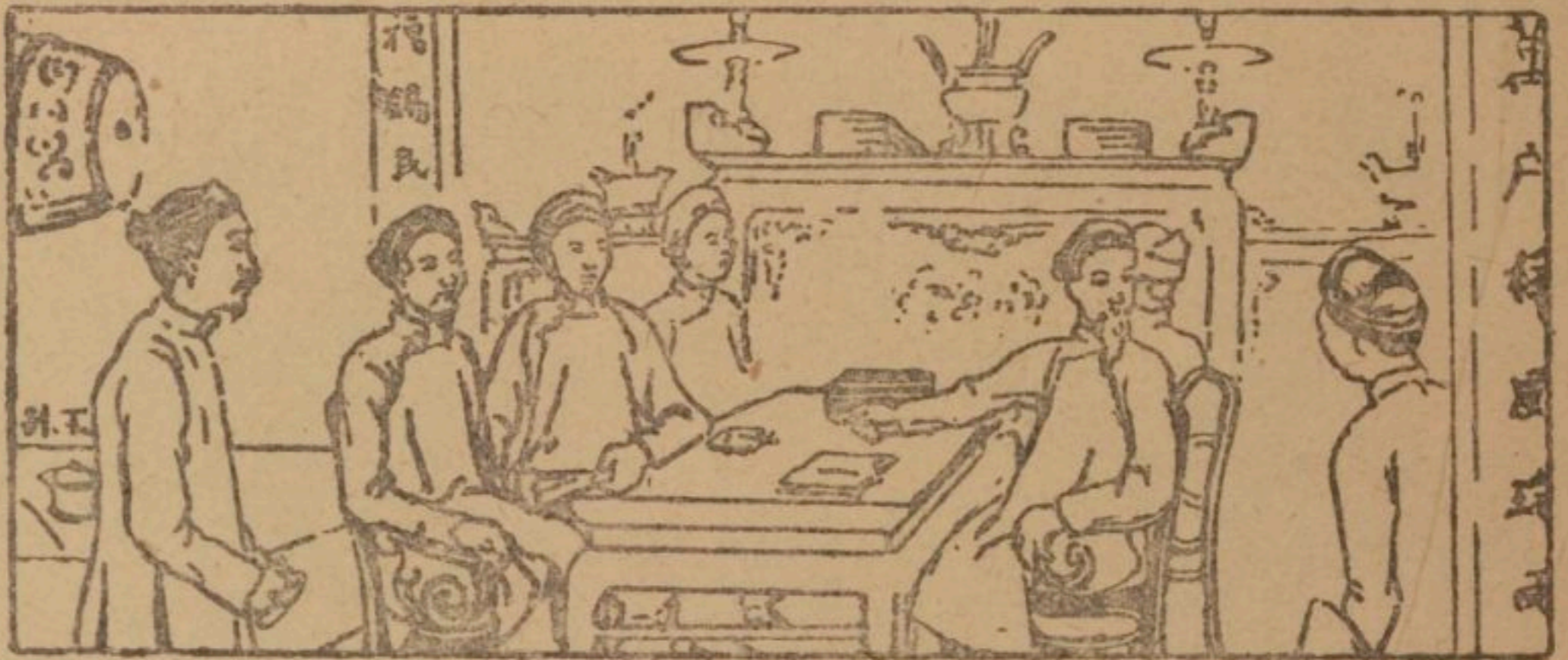
Câu hỏi. — Giáp là người thế nào ? — Người nhà giàu định cho Giáp làm gì ? — Sau tại làm sao người ấy lại không cho Giáp làm ? — Vì Ất nói xấu mà Giáp phải thế nào ?

CÁCH-NGÔN. — Nói người phải nghĩ đến ta,
Thử sờ lên gáy xem xa hay gần.

Nói vu là đặt chuyện ra mà nói không cho ai, để làm hại người ta. Người nói vu là người hèn-mạt, làm điều trái với lẽ công-bằng, phạm tội rất to.

Tiểu-dẫn. — Đứa nói vu.

Trong bốn người tuần-đình ở làng Ngọc-giá, thì Binh là người có tính gian-giảo. Thường người ta vẫn ngờ cho



Hội-đồng hàng xã xét việc tên Binh nói vu.

nó đi ăn trộm, nhưng hiềm chưa bắt được quả tang bao giờ cả. Đã thê mà nó lại ghen-tị (ghen-ghét) với người *trương-tuần* tên là Ngọ, và định bụng làm hại Ngọ. Một hôm, nó vu cho Ngọ hà-hiệp chúng nó và lấy lạm *lúa srong* của làng. Làng xét ra, thì việc ấy quả là tên Binh nói vu cho tên Ngọ, nên làng phạt tiền và truất ngôi nó đi.

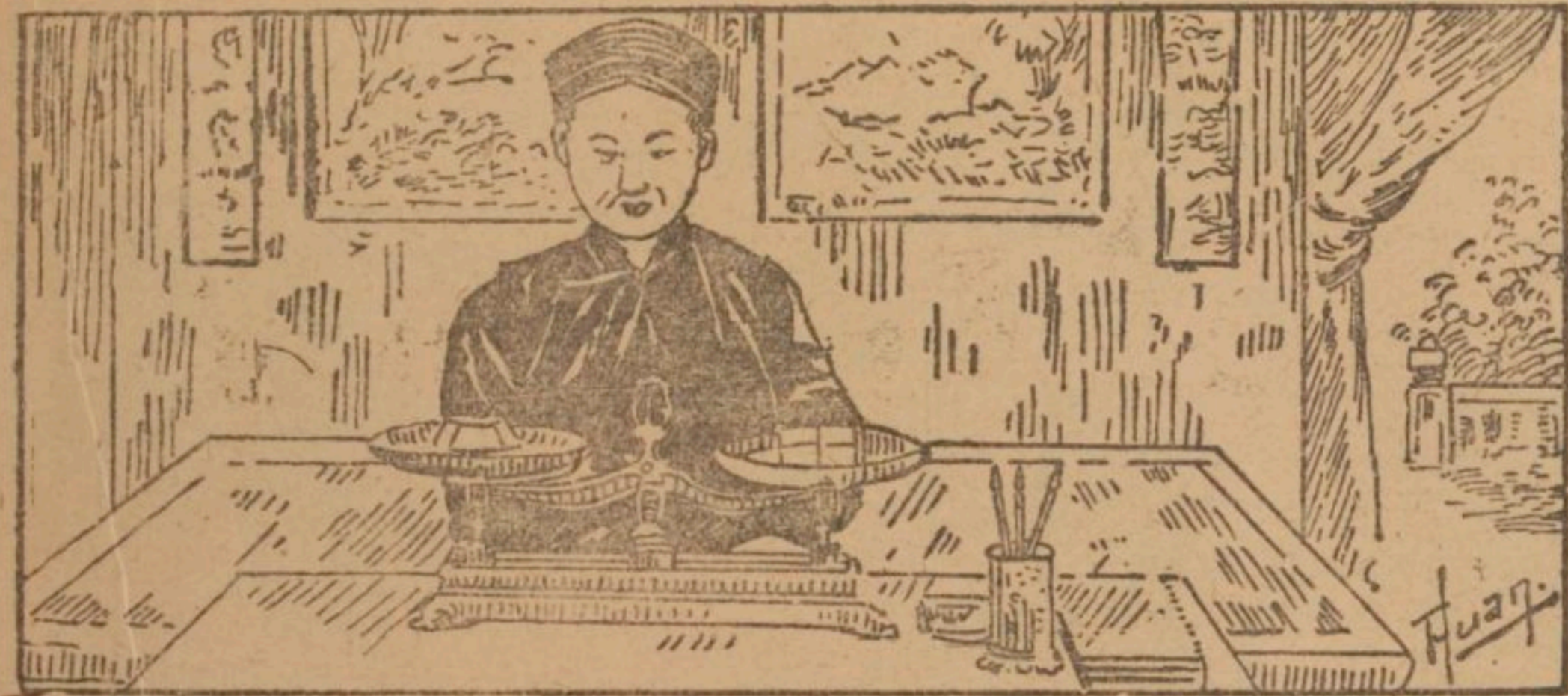
Thê mới hay những kẻ nói vu để hại người ta thường lại hại đến thân.

Giải nghĩa. — *Trương-tuần* = người sai bảo bọn tuần-phu. — *Lúa srong* = lúa của các chủ điền cho tuần-đình.

Câu hỏi. — Binh là người thế nào? — Nó vu cho Ngọ gì? — Làng xét ra, nó bị làm sao? — So bài này với bài trước và nói rõ nói xấu với nói vu khác nhau làm sao?

CÁCH-NGÔN. — Một lời nói là một giọt máu.

Công-bằng là không hại ai, không lấy của của ai, không làm điều gì phạm đến danh giá của ai. Nghĩa là điều gì mình không muốn người ta làm cho mình thì mình đừng làm cho người ta. Nếu ta hiểu rõ cái lẽ ấy, thì trong bụng ta không bao giờ có điều gì hối hận.



Cầm cân này mực.

Tiêu-dẫn. — Ăn ở cho phải đạo công-bằng.

Theo trong luân-lý giáo-khoa,
 Công-bằng là đạo người ta ở đời.
 Suy bụng ta ra bụng người,
 Hễ ta không muốn, hẩn người chẳng ưa.
 Nhưng điều làm thiêu, lấy thừa ⁽¹⁾,
 Hại người, ích-kỷ, nên chừa cả đi.
 Công-bằng bất cứ điều gì,
 Ấy là tính tốt, nên ghi vào lòng.

Câu hỏi. — Đạo người ta ở đời cốt ở điều gì? — Suy bụng ta ra bụng người là nghĩa thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Kỹ sở bất dục, vật thi ư nhân.

(1) dư.

Không công-bằng là làm điều gì phạm đến quyền lợi, của cải và sự tự-do của người ta. Ai cậy mình có sức khỏe, có quyền-thế mà hà-hiếp người kém mình, là làm điều không công-bằng. Những điều không công-bằng là điều xấu, ta không nên làm.

Tiểu-dân. — Ăn cướp xôi.

- Dân gặp Tị, hỏi: Mày có cái gói gì đây?
- Tị nói: Có mấy nắm xôi lạc⁽¹⁾ (đậu phụng) đây thôi.
- À! Mày có xôi à? Cho tao ăn với!



« Mày có trả Tị gói xôi không! »

— Tôi không tiếc gì anh, nhưng nhà tôi xa, hôm nay trời mưa, tôi ở lại trường, nên mẹ tôi gói cho ít xôi để trưa tôi ăn cho khỏi đói. — Đói mặc mày! cứ đưa cho tao ăn với. — Không... — À! không thật à! Nói xong, Dân cướp giật gói xôi, cắm đầu chạy.

Tị đứng khóc hu-hu. Chợt có Giáp vừa đi đến, hỏi chuyện, rồi đuổi theo, bắt được Dân, nắm tay lôi lại, bảo rằng:

« Mày có trả ngay Tị gói xôi không! Đừng có cậy lớn mà ăn-hiếp nó. Tao lớn hơn mày, phỏng tao bẹp⁽²⁾ cái nón mày đội đây mà vút đi, thì mày có bằng lòng không? »

Giải nghĩa. — Hà-hiếp — cậy có quyền có sức mà đè-nén bắt-nạt người ta.

Câu hỏi. — Dân có tinh xấu gì? — Nó ăn cướp gì của Tị? — Giáp thấy thế thì làm gì? — Nó bảo Dân thế nào?

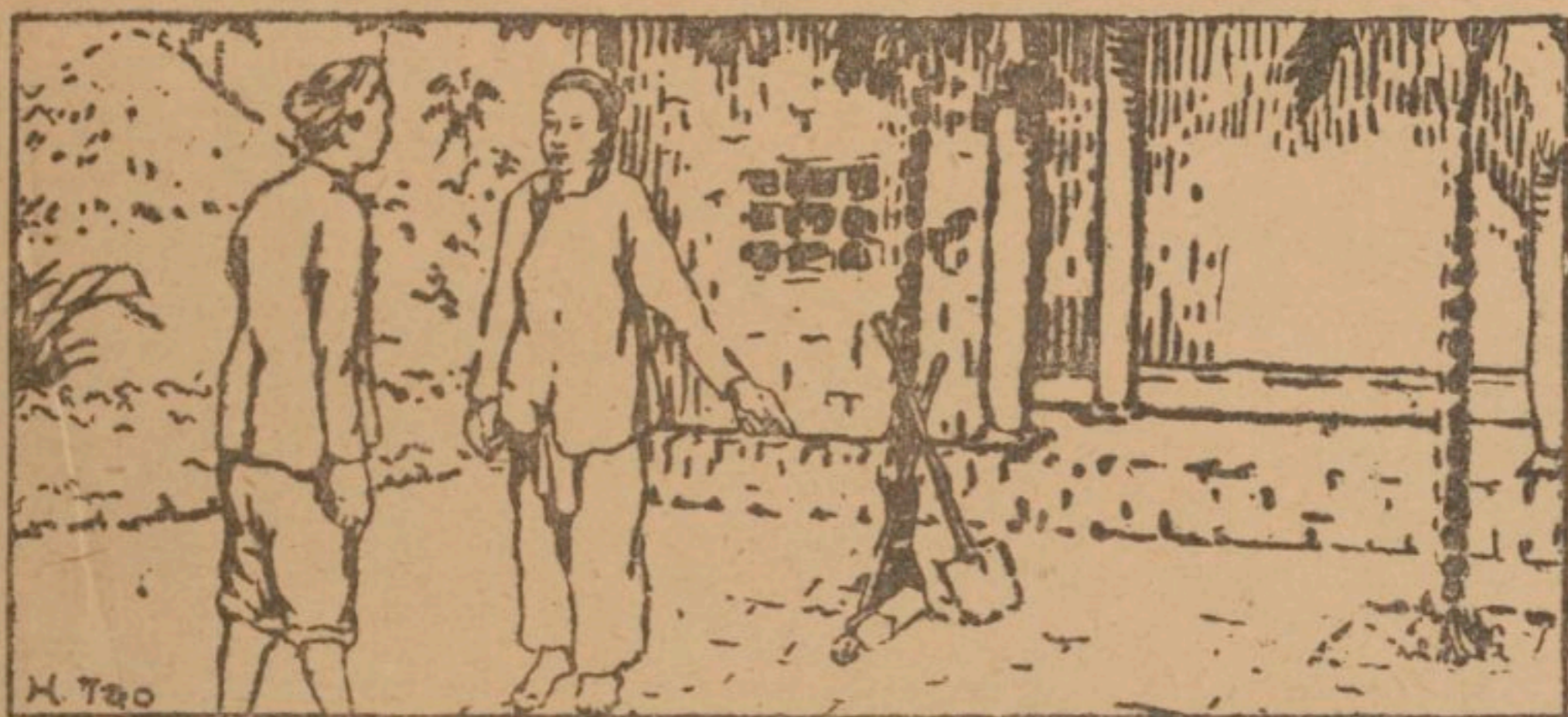
CÁCH-NGÔN. — Nhân phi nghĩa bắt giao,
Vật phi nghĩa bắt thủ.

(1) đậu phụng — (2) bẹp giẹp.

Người ích-kỷ là người chỉ cầu lợi riêng cho một mình, không thiết gì đến ai cả. Người ta thường bởi tính ích-kỷ mà thành ra hay làm điều độc-ác, trái lẽ công-bằng.

Tiểu-dẫn. — Một người ích-kỷ.

Phác bảo Dậu rằng: « Cái cuộc của tôi mề măt một miếng, phải đem cho thợ rèn chữa lại, đến mai mới được.



Dậu không cho Phác mượn cuộc.

Anh cho tôi mượn cái cuộc của anh một buổi, kéo chiều hôm nay tôi không có gì làm ».

Anh Dậu có cái cuộc vẫn bỏ không, nhưng Dậu có tính ích-kỷ, không cho mượn, nói rằng: « Hôm nay tôi cũng cần đến cuộc để cuộc vườn ».

Cách mấy ngày, Dậu sang bảo Phác rằng: « Con trâu nhà tôi độ này cày nhiều quá, ăn không được, tôi muốn cho nó nghỉ vài bữa, bác làm ơn cho tôi mượn trâu của bác mấy buổi ». Phác trả lời rằng: « Tôi cũng muốn cho bác mượn, nhưng trâu nhà tôi đau, tôi vừa phải cho người lên tỉnh mời thầy về chữa. Bác bằng lòng vậy ».

Câu hỏi. — Dậu có cái tính xấu gì? — Dậu xử với Phác thế nào? — Về sau Phác lại xử với Dậu thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Ích-kỷ hại nhân.

Người có lòng tham lợi là người thầy của thì ham mê, chỉ chực vor-vét lấy được, chứ không nghĩ gì đến sự phải trái. Lòng tham lợi làm cho ta thành ra hèn-hạ, dè-tiền. Có khi tham quá hóa bị thiệt-hại.

Tiểu-dân. — Chuyện gà đẻ ra trứng vàng.

Đời xưa, có hai người ở làng-diêng với nhau. Mỗi người có một con gà, ngày nào cũng đẻ ra một cái trứng



Mổ gà lấy trứng vàng.

bằng vàng. Một người nghĩ rằng: « Con gà mình đã đẻ ra trứng vàng, thì tất ở trong bụng nó có nhiều vàng lắm », bèn đem mổ ra để lấy, nhưng chẳng thấy gì cả.

Người làng-diêng kia thấy gà đẻ ra trứng vàng, thì ngày nào cũng cho ăn thật nhiều, nghĩ rằng nó ăn no thì chắc mỗi ngày nó đẻ được hai trứng. Không ngờ gà ăn nhiều, béo quá, không đẻ được nữa, rồi chẳng bao lâu cũng chết.

Hai người đã được trứng vàng, lại muốn được hơn nữa, thành ra mất cả. Thế là « tham thì thâm ».

Câu hỏi. — Hai con gà đẻ ra gì? — Một người nghĩ thế nào mà giết con gà? — Người kia nghĩ thế nào mà cho con gà ăn nhiều quá? — Về sau con gà ra làm sao? — Anh nghĩ hai người ấy thế nào?

Cách-ngôn. — Máu tham hề thấy hơi đồng thì mê.

Người hà-tiện là người cứ bo-bo tích của để làm giàu, chứ không dám tiêu dùng đến việc gì cả. Ăn không dám ăn, mặc không dám mặc, chi-li (bon-chen) từng tí một, không chịu làm gì mất đến đồng tiền.

Người hà-tiện thật là hèn-hạ khổ-sở, mà ai cũng ghét.

Tiểu-dẫn. — **Anh hà-tiện.**

Có một anh hà-tiện, cả đời chỉ chăm-chăm giữ tiền. Hễ lúc nào phải tiêu đến một đồng tiền thì đau xót bằng người ta đem hành-hình.



« Một quan đất quá ! »

Một hôm, có người bạn đưa ra tỉnh chơi. Anh ta giắt một quan tiền đi. Ra đến tỉnh, trông thấy cái gì cũng muốn mua, nhưng sợ mất tiền, lại thôi. Trời nắng quá, muốn vào hàng uống nước, lại sợ phải thết (thiệt) bạn, không dám vào.

Chiều đến, trở về, hai anh chung nhau thuê một chiếc đò. Ra đò giữa sông, khát nước quá, anh hà-tiện mới cúi xuống uống nước, chẳng may lộn cổ xuống sông. Người bạn kêu to lên rằng : « Ai cứu được, xin thưởng một quan ! »

Anh hà-tiện ở dưới nước nghe tiếng, cò hết sức ngoi đầu lên, nói rằng : « Một tiền thôi, một quan đất quá ! »

— Người bạn nói : « Thi năm tiền vậy ».

— Anh hà-tiện lại cò ngoi đầu lên lần nữa mà kêu rằng : « Năm tiền hãy còn dạt, thà chết còn hơn ! »

Giải nghĩa. — *Hành-hình* = đập đánh tra tấn làm cho cực-khổ.

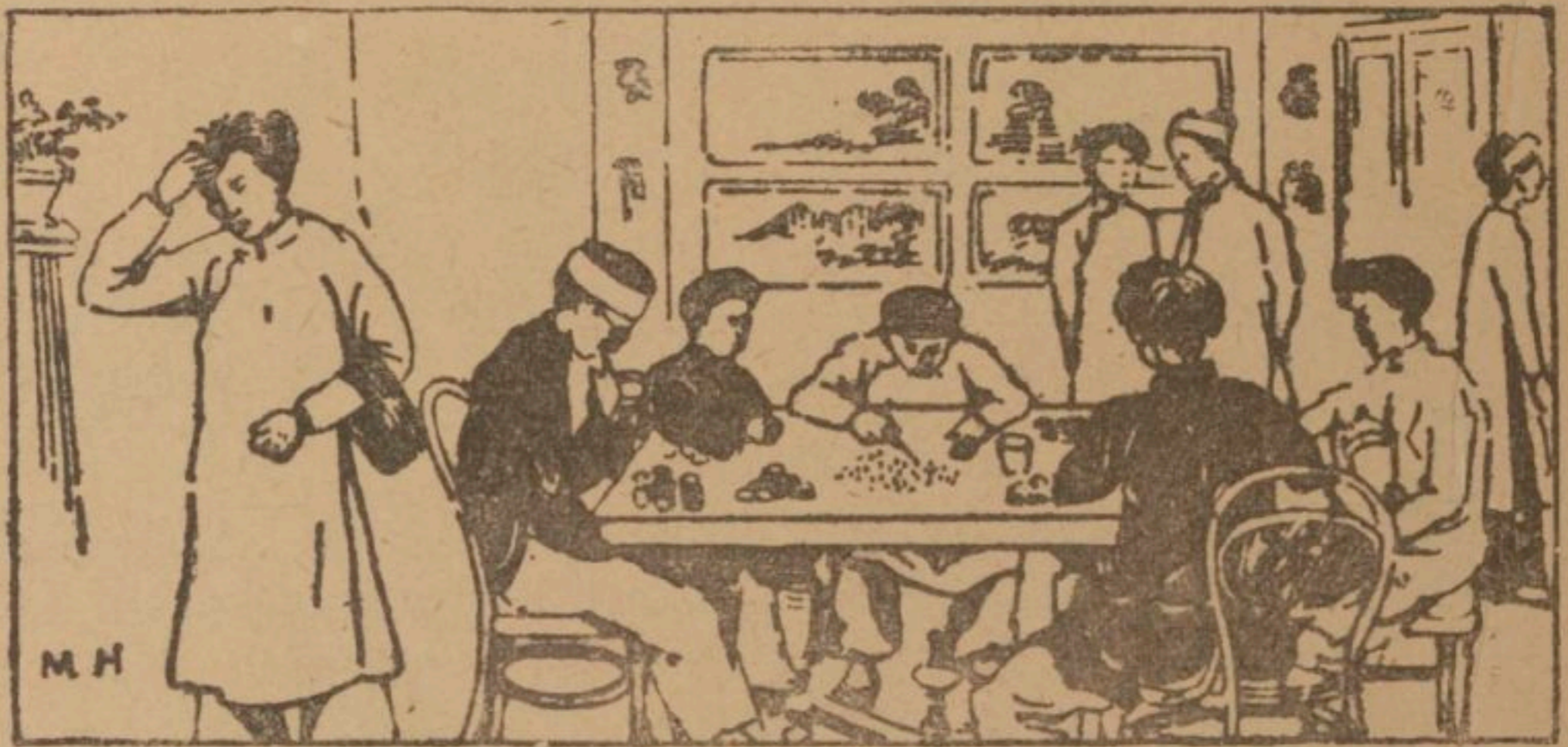
Câu hỏi. — Có anh hà-tiện thế nào ? — Anh ta ra tỉnh chơi thế nào ? — Lúc trở về, bị làm sao ?

CÁCH-NGÔN. — Hà-tiện rân sành ra mỡ.

Xa-xỉ là trái lại với tính hà-tiện. Người có tính xa-xỉ tiêu (1) tiền không có chừng mực, tiêu hoang-phí vô ích. Người có tính ấy thường về sau hay bị khổ-sở, vất-vả, chớ người khôn thì bao giờ cũng biết ăn tiêu vừa phải và biết dành-dụm (dễ dành).

Tiêu-dẫn. — Một người xa-xỉ.

Anh Thìn mới lớn lên, được cha mẹ để lại cho tiền của rất nhiều. Nhưng anh không chịu học-hành, không lo làm ăn, cứ tiêu-pha xa-xỉ. Anh đem tiền ra tỉnh chơi-bời



Sòng phán-thán.

bậy-bạ, thật là hoang-phí. Lại đua chơi với những đồ vô-lại rù-rê rượu chè, cờ bạc, suốt ngày suốt tháng. Nèn chẳng bao lâu mà tiền của hết sạch. Chúng bạn lảng hết. Anh có muốn dền nhờ-và ai, thì bây giờ cũng không ai nhìn nhận nữa.

Giải nghĩa. — Vô-lại = những đũa hư thân mất nết — Lảng = bỏ không chơi với nữa.

Câu hỏi. — Anh Thìn đem tiền của của cha mẹ đi làm gì? — Sau vì xa-xỉ quá mà đến nỗi làm sao?

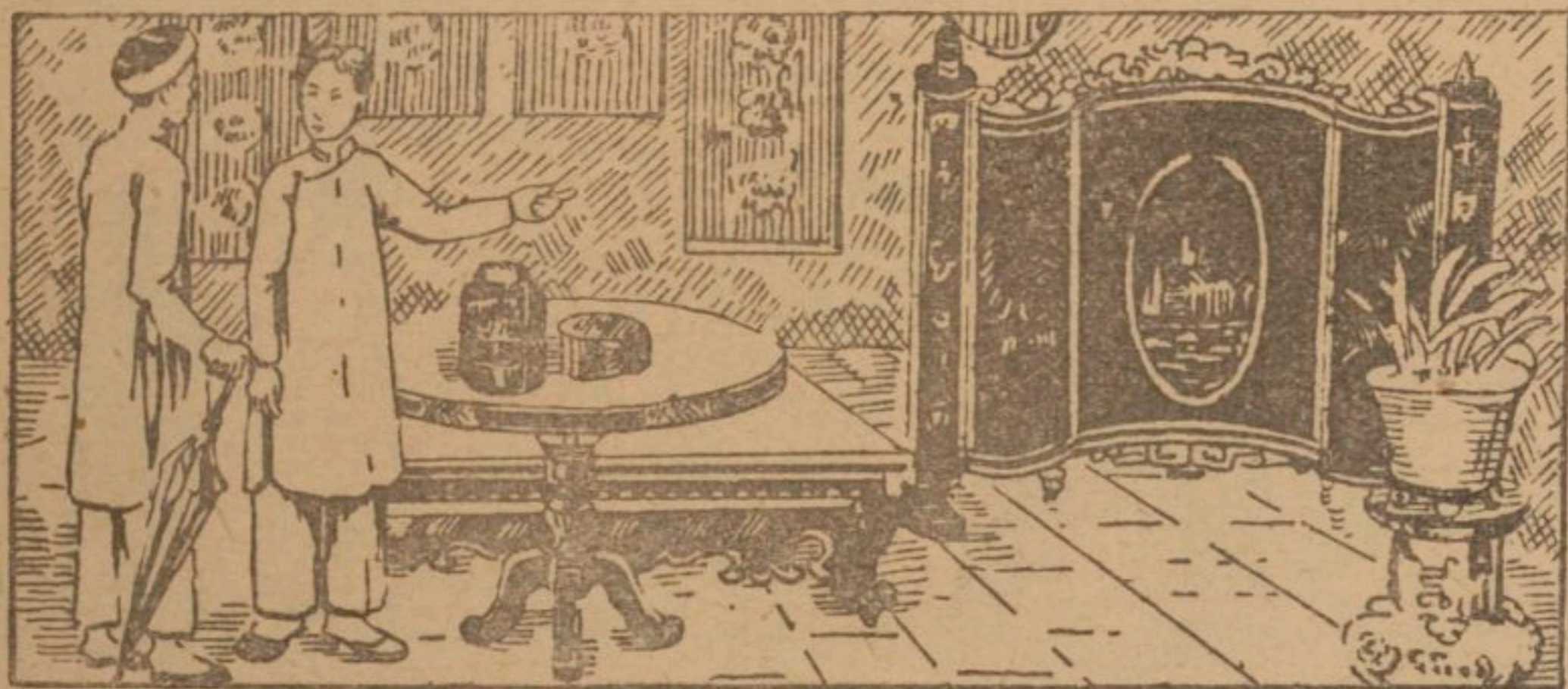
CÁCH-NGÒN. — Đi đâu mà chẳng ăn re,
Đến khi ăn hết thì rề chẳng ra.

(1) xài.

Tiết-kiệm là biết dùng đồng tiền, không hà-tiện mà cũng không xa-xỉ. Có tiết-kiệm thì mới dành-dựm được, để phòng khi túng lỡ mình không phải nhờ-vả ai, không lâm-lụy khổ sở. Có tiết-kiệm thì rồi mới làm được điều lành, điều hay.

Tiểu-dẫn. — Một người tiết-kiệm.

Anh Bình bây giờ thật giàu-có. Anh đứng chủ cả một cửa hàng bán đồ khảm rất to ở chôn thị-thành. Thuở



Hàng thợ khảm.

trước, cha mẹ mạt sớm, của-cải chẳng có gì, anh phải đi bán hàng rong⁽¹⁾ (bán rao) ở các làng mà kiếm ăn. Khi dành-dựm được ít tiền, anh ra tỉnh học nghề thợ khảm. Chẳng bao lâu, khảm rất khéo. Tiền công được mỗi ngày một cao thêm mà ăn tiêu lại biết tiết-kiệm, nên để dành được nhiều. Đến khi đã có vốn, anh ra mở cửa hàng riêng, trước còn có một mình, sau phải nuôi thêm thợ. Anh làm ăn cứ mỗi ngày một thịnh-vượng mãi lên, cho nên bây giờ mới giàu-có như vậy.

Thề mới hay hễ người ta biết tiết-kiệm, thì mới làm nên giàu-có được.

Giải nghĩa. — Lâm-lụy = khuất mình chịu khổ ở dưới quyền người khác.

Câu hỏi. — Lúc trước, anh Bình thế nào? — Sau anh làm thế nào mà trở nên giàu-có?

CÁCH-NGÔN. — Năng nhặt chặt bị.

(1) theo đường.

Tính quảng-đại là tính bao dung mọi người, hay cứu giúp kẻ nghèo khổ, hay bênh-vực kẻ hèn yếu. Người có tính quảng-đại thì ai cũng kính mến.

Tiểu-dẫn. — Một đứa trẻ con có tính quảng-đại.

Anh Hợi xưa nay vẫn hay nói xấu anh Tí. Một hôm, anh Tí cùng với lũ trẻ đi chơi, gặp anh Hợi đang bị hai



Tí bênh Hợi.

đứa chăn trâu đuổi đánh. Anh trông⁽¹⁾ thấy, liền chạy lại bênh anh Hợi và đưa về nhà. Anh em bạn hỏi anh Tí rằng: « Hợi hay nói xấu anh, sao anh không giận, mà lại bênh vực như bạn thân vậy? » — Tí đáp lại rằng: « Minh có điều xấu, thì người ta mới nói, việc gì mà giận? Còn như bỗn-phận mình là thầy ai có việc gì nguy-hiểm, thì phải cứu giúp, chớ sao lại vì một điều hiềm thù nhỏ mọn, mà bỏ việc mình phải làm. » Anh em nghe lời ấy, ai cũng phục anh Tí là người có tính quảng-đại.

Câu hỏi. — Hợi đối với Tí thế nào? — Một hôm Hợi bị gì? Tí làm thế nào? — Anh em bạn hỏi Tí làm sao? — Tí đáp lại thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Lượng cả bao dung.

(1) ngó.

Lòng nhân-ái là lòng biết thương người, biết cứu giúp kẻ nghèo hèn, biết bỏ-thí cho kẻ đói khổ. Người có lòng nhân-ái, biết chịu thiệt mình mà làm điều lành, thì bao giờ trong bụng cũng được thỏa-thuê.

Tiểu-dân. — Một đứa trẻ có lòng nhân-ái.

Nhân khi trời làm mưa bão, có nhiều làng bị hại, nhà cửa đổ nát, mùa-màng mất sạch, trẻ con nhiều nơi cơm



Sửu chẻ ống tiền.

không có mà ăn, áo không có mà mặc. Người ta mở cuộc *lạc-quyên* để lấy tiền cứu giúp những kẻ bị tai nạn. Anh Sửu nghe nói trong lòng cảm động, về thưa với mẹ rằng: «Độ tết con có ít tiền bỏ ông, định để dành may áo. Nhưng nay con thấy có nơi bị bão, nhiều người đói khổ lắm, và hiện có hội *lạc-quyên* để giúp việc ấy, con xin phép mẹ cho con chẻ ống ra, được bao nhiêu đem quyên, gọi là có chút giúp người trong khi hoạn-nạn.» Bà mẹ nghe con nói như thế, khen con có lòng nhân, và lập tức cho con chẻ ống ra lấy tiền nộp hội quyên.

Giải nghĩa. — *Bỏ-thí* = đem tiền, đem của cho người nghèo đói. — *Lạc-quyên* = cúng tiền để làm việc phúc đức gì.

Câu hỏi. — Trời mưa bão, các nơi bị hại làm sao? — Anh Sửu nghe nói, trong bụng thế nào? — Anh nói gì với mẹ? — Bà mẹ khen con thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Ai ơi cứ ở cho lành,

Tu nhân tích đức để dành về sau.

Người có lòng nhân, bao giờ thầy kẻ khôn-khó cũng động lòng thương và cứu giúp, dầu có thiệt-thòi cũng không quản ngại. Cứu giúp được người là vui bụng mình.

Tiểu-dẫn. — Cô bé có lòng nhân.

Một nhà có người mẹ và hai đứa con. Mẹ thì lòa, con nhỏ thì ốm, mà tiền không có một đồng. Mẹ phải cho đứa



Cô bé có lòng nhân.

con lớn tên là Lan đi ăn xin. Tội nghiệp cho con Lan, xưa nay chưa từng ngửa tay xin ai bao giờ. Nó mới nghĩ ra một cách đi hái mấy cái hoa⁽¹⁾ súng ở dưới đám, bó lại, rồi đem bán cho kẻ qua người lại, hôm ấy đông lắm, vì là ngày hội. Nhưng chẳng ai *doái-hoài* hỏi đến hoa cả. Hoặc có người thấy nó rách-rưới, ném cho đồng tiền. Mãi sau có một cô vào trạc mười hai tuổi, đèn gán Lan, chỉ bó hoa mà hỏi rằng: « Bó hoa đẹp nhỉ! bán bao nhiêu tiền? » Lan ngập-ngừng nói: « Cô cho bao nhiêu cũng được, một xu tôi cũng bán. » Cô bé kia đưa cho một hào⁽²⁾ mà bảo rằng: « Chết nỗi! một xu rẻ quá! Đây cầm lấy hào⁽²⁾ bạc, tôi lấy bó hoa ». Lan bán được hoa, lấy làm mừng-rỡ mà cô bé kia cũng vui lòng vì đã làm được điều phúc đức.

Làm phúc không cứ ít hay nhiều, của ít mà lòng nhiều thì hơn.

Giải nghĩa. — *Bồ-thí* = đem tiền gạo cho người nghèo khổ. — *Doái-hoài* = nhìn đến.

Câu hỏi. — Mẹ Lan bảo Lan gì? — Lan làm thế nào để kiếm tiền? — Có cô bé đến mua hoa làm phúc thế nào?

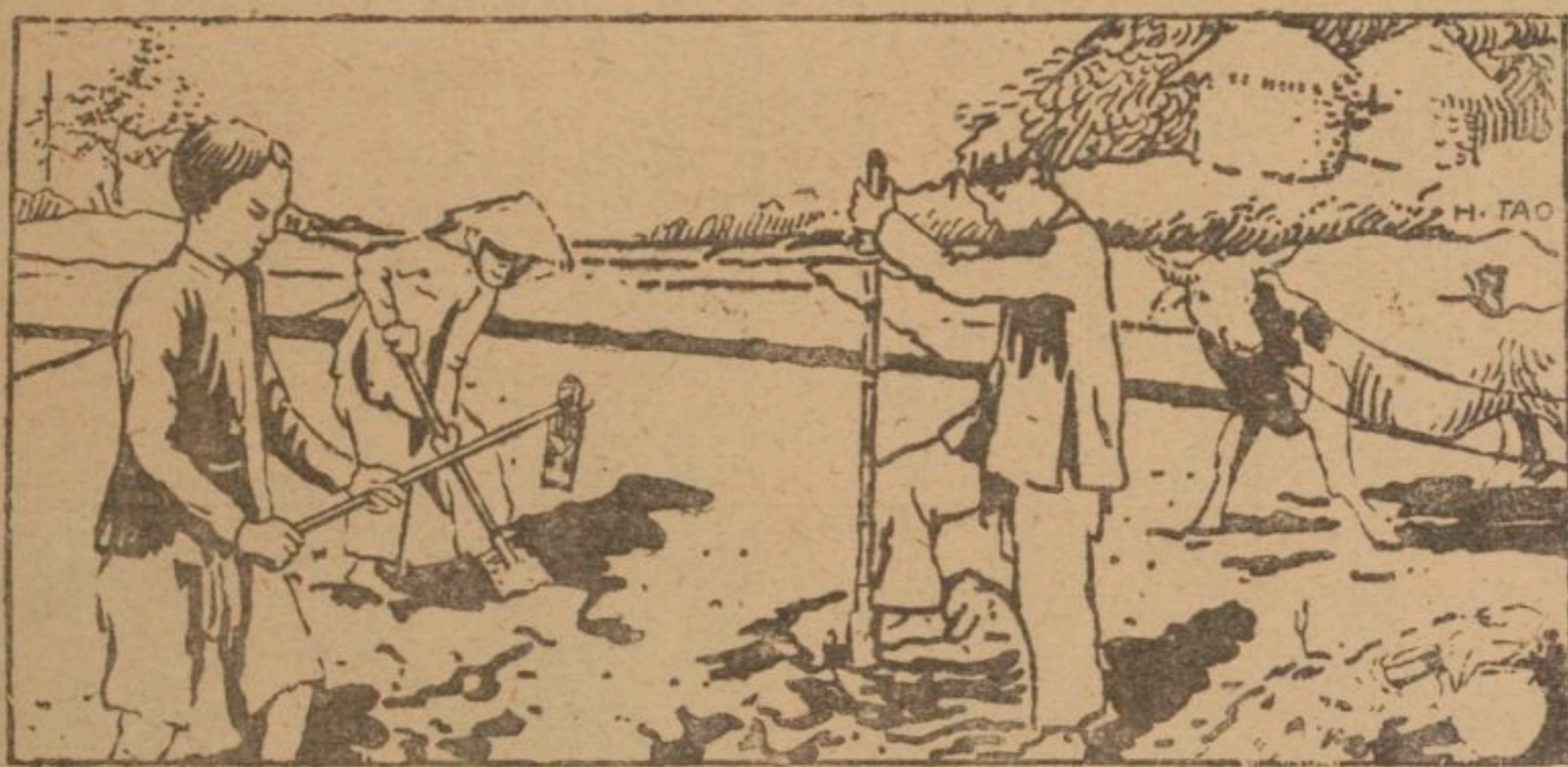
CÁCH-NGÔN. — Cứu nhất nhân đắc vạn phúc.

(1) bông — (2) giắc.

Ở đời, ai cũng phải làm việc. Có làm việc thì mới giàu có, thịnh vượng và mới tiên-hóa được. Có làm việc thì mới giữ được cái phẩm-giá con người và mới là người có ích cho nhà, cho nước, cho xã-hội.

Tiêu-dẫn. — Người làm ruộng.

Một người làm ruộng, lúc gần chết, *trối* lại cho các con rằng : « Cái thửa ⁽¹⁾ ruộng của cha để lại cho các con, thì đừng có bán, vì có của chôn ở đây ».



Cày sâu cuốc bẫm.

Khi người cha đã mất rồi, thì mấy người con đem *thuồng* (thêu) ⁽²⁾, đem cuốc ra ruộng đào xới khắp nơi. Tuy không thầy của, nhưng thửa ⁽¹⁾ ruộng ấy cày sâu cuốc bẫm như vậy, thành ra được tốt mầu, đến mùa gặt hái, được nhiều lúa hơn trước : hoa lợi làm ra được dó, chính là cái của chôn của người cha lúc sắp mất đã dặn lại.

Giải nghĩa. — *Trối* = lúc sắp chết dặn lại.

Câu hỏi. — Người làm ruộng *trối* lại cho các con thế nào ? — Khi người cha chết, thì các con làm gì ? — Ý người cha dặn các con là thế nào ?

CÁCH-NGÔN. — Có làm thì mới có ăn.

Không nhưng ai dễ đem phần đến cho.

(1) sở — (2) xuống.

Người ta sinh ra ở đời, ai cũng phải hành-động. Vậy bổn-phận người là phải làm việc để có ích cho mình và cho kẻ khác. Đã gọi là công việc, thì việc gì cũng trọng : làm việc tức là trả nợ đời.

Tiểu-dẫn. — Chim én.

Năm đi học, thầy đàn (đoàn) chim én, bay đi bay lại, con thi sà xuống gần mặt đất, con thi lượn ở trên không, anh liền đứng lại ngừng mặt lên xem. Rồi nói rằng : « Đàn chim kia sượng thật, chỉ bay lượn vui chơi, chẳng phải làm-lụng gì ! »

Có người nghe thầy anh ta nói, mới dèn gân mà bảo rằng : « Anh không biết những con chim ấy làm gì à ? Nó đi bắt ruồi muỗi để ăn, không thì chết đói. Ấy loài chim cũng như loài vật khác, đã sống ở trong khoảng trời đất này, cũng phải có làm mới có ăn. Người ta ở đời cũng vậy, người công kia, kẻ việc nọ, ai ai cũng phải có việc làm, không ai là ngồi không bao giờ và không có nghề gì là không đáng quý. »

Câu hỏi. — Lúc Năm đi học, trông thấy gì, và nói gì ? — Có người nghe thấy, bảo Năm gì ?



Phải làm mới có ăn.

CÁCH-NGÔN. — Tay làm, hàm nhai. Tay quai, miệng trẻ.

Kiên chí là một nết tốt. Hễ mình đã làm việc gì, thì dầu khó-khăn thế nào, cũng cố mà làm cho kỳ được. Ở đời có kiên chí thì mới làm nên công kia việc nọ.

Tiểu-dân. — Giọt nước.

Có một dòng nước ở trên núi róc-rách chảy xuống. Một con bé con (1) lấy mảnh lá hững lấy giọt nước để chơi, thì thấy nhấp-nhánh như hạt trai. Nó mới gọi mẹ nó mà bảo rằng :

— Mẹ này, mây giọt nước này trông nhẹ-nhàng mà đẹp nhỉ !

— Mẹ bảo rằng : Vậy mà những giọt nước ấy có sức mạnh làm thủng (2) được đá đây, con ạ !

— Con bé lấy làm lạ, hỏi : Giọt nước nhẹ như thế, mà làm thủng (2) đá thế nào được ?

— Giọt nước tuy nhẹ thật, nhưng cứ rỏ (nhỏ) xuống luôn mãi, thì đá dẫu cứng đến đâu cũng phải thủng (2). Vậy nên con phải biết : ở đời hễ kiên chí thì làm việc gì cũng được.



Nước chảy đá mòn.

Câu hỏi. — Con bé con chơi nghịch gì ? — Nó nói với mẹ nó thế nào ? — Mẹ nó trả lời thế nào ?

CÁCH-NGÔN. — Nước chảy đá mòn.

(1) con nít — (2) lủng.

Thứ-tự là xếp đặt đầu ra đầu : vật nào chỗ ấy, và việc gì nên làm lúc nào thì làm lúc ấy, chớ không có hồ-đồ bao giờ.

Tiêu-dẫn. — Một người có thứ-tự.

Một hôm, có một người trẻ tuổi, ăn mặc sạch-sẽ, đến nhà ông chủ một sở buôn bán to để xin việc làm. Ông



Một cái kim găm cũng quý.

chủ nói rằng : « Không có việc, không cần người làm. » Người ấy buồn-bã lui-thui ra về, đi chưa được mười bước, ông chủ ngoảnh lại trông thấy anh ta cúi xuống nhặt (lượm) cái kim găm, lau đi rồi cài (khai) vào áo. Ông ấy nghĩ bụng rằng : người này cẩn-thận, có ngăn-nấp như thế, chắc là một người có thể dùng được, bèn gọi lại cho việc làm.

Quả nhiên người ấy làm-lụng *chu-chí*, không có điều gì đến nỗi phải quở trách. Người ấy làm việc gì cũng biết lấy sự thứ-tự, ngăn-nấp làm đầu, cho nên chẳng bao lâu mà khá, về sau cũng nên được người giàu có.

Giải nghĩa. — *Chu-chí* = đến nơi đến chốn.

Câu hỏi. — Người trẻ tuổi đi xin việc làm ở đâu? — Ông chủ nhà buôn bảo thế nào? — Ông chủ trông thấy gì mà biết người kia là người cẩn-thận, có ngăn-nấp? — Ông ấy trông thấy thế rồi làm gì? — Nhờ cái tính có thứ-tự và ngăn-nấp mà người ấy ngày sau được thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Vật gì còn dùng được không nên bỏ phí.

Không có thứ-tự là cái gì bạ đâu bỏ đấy, hay là làm việc gì cũng hồ-đồ cầu-thả.

Không có thứ-tự có ba điều bất tiện là: làm bực-bội, làm mất thời-giờ và hỏng việc.

Tiểu-dẫn. — Chuyện anh Nam.

Anh Nam là một người tốt, nhưng phải cái tính không có thứ-tự, cho nên khi cần đến cái gì, là không biết đâu mà tìm.



Nam tìm văn-tự nợ.

Một hôm, anh ta tìm cái văn-tự nợ của tên Sào, lục khắp cả giấy-má mà không thấy.

Nguyên từ trước, tên Sào vay năm chục bạc, cứ đến tháng thì đem trả lãi (lời). Khi đến hạn, nó lại bảo Nam rằng: « Anh đưa cho tôi cái văn-tự để tôi tính tiền trả anh. » Nam đáp-ứng rằng: « Không biết tôi để cái văn-tự ấy đâu rồi. — Anh cứ tìm đi, bao giờ thấy thì tôi trả tiền. » Nam ngẩn người ra, không biết làm thế nào, đành chịu mất nợ.

Ấy cũng vì Nam không có thứ-tự, không có ngăn-nấp cho nên mới mất món nợ năm chục đồng bạc.

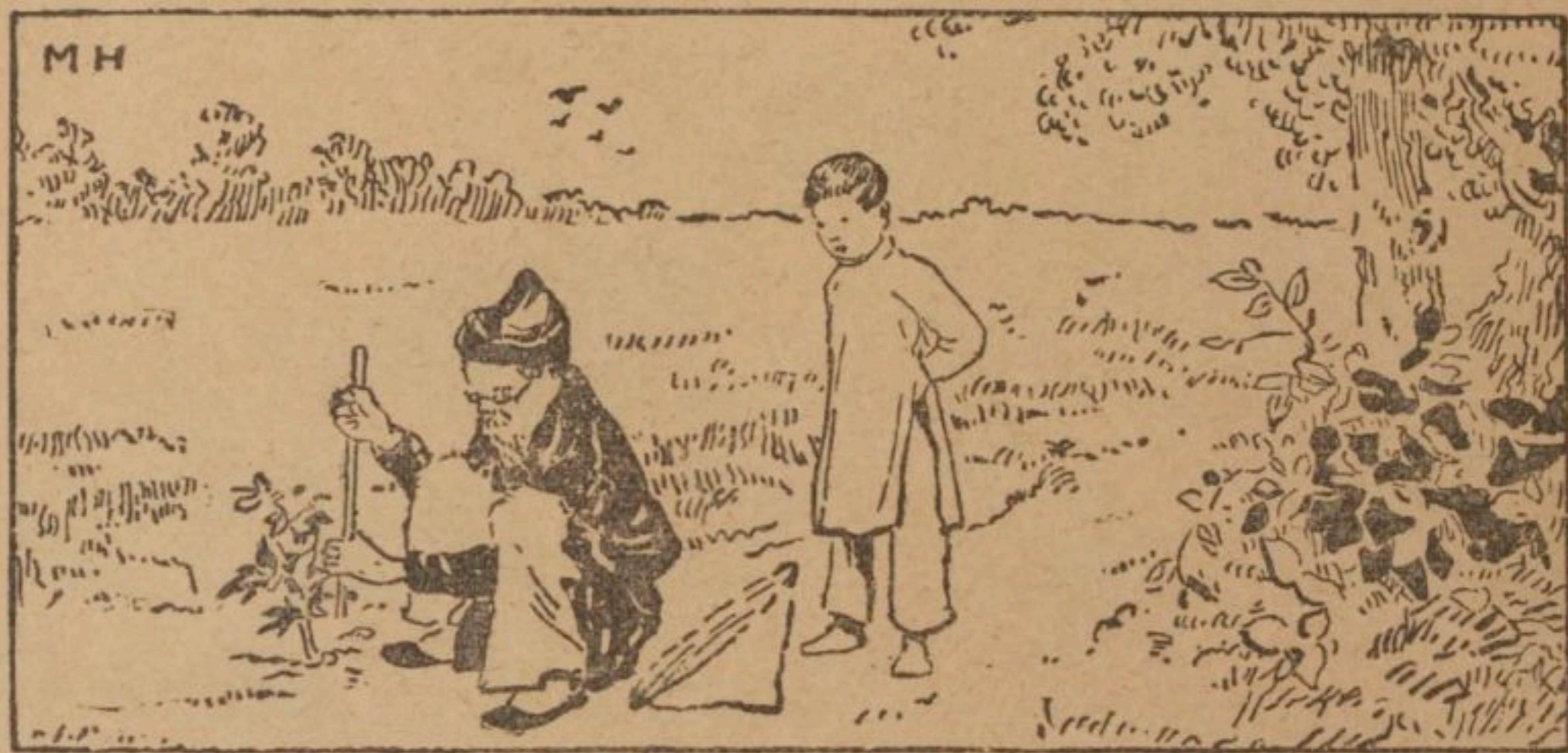
Câu hỏi. — Anh Nam có nét xấu gì? — Vì nét xấu ấy mà xảy ra việc gì?

CÁCH-NGÔN. — Của làm gìn-giữ sớm trưa,
Kẻo khi thất lạc, biết ngờ cho ai

Người biết lo xa là người biết tính trước lo sau, biết dành-dựm để phòng khi ốm yếu già cả. Biết lo xa thì ngày sau không phải lụy đến thân.

Tiểu-dẫn. — Cái hột mơ.

Một cậu học-trò ăn mơ, rồi quăng hột đi. Có ông lão nhặt (lượm) lấy, đem vùi xuống đất, ở mé đường. Cậu kia trông thấy, tủm-tủm (1) cười.



Ông lão vun cây.

Cách ít lâu, cậu đi qua đây, thì thấy cái hột mơ đã mọc thành cây, mà ông lão thì đương sửa lá, vun gốc, và lấy que cắm xung-quanh để giữ-gìn che-chở cho cây. Cậu bé nghĩ bụng rằng: « Ông lão này lẩn-thần (kỳ-cục), khéo nhọc xác làm gì! » Đến khi lớn lên, cậu lại đi qua chỗ ấy, thì thấy một cây mơ to lớn, sai đầy những quả (2). Nhân lúc trời nóng, cậu lấy mấy quả ăn cho đỡ khát. Bây giờ cậu mới hiểu rằng ông lão khi trước thật là biết lo xa.

Câu hỏi. — Có một cậu học-trò làm gì? — Ông lão làm gì? — Cách ít lâu, cậu học-trò lại đi qua, thì thấy gì, và trong bụng cậu nghĩ sao?

CÁCH-NGÔN. — Đi dàu mà chẳng lo xa.

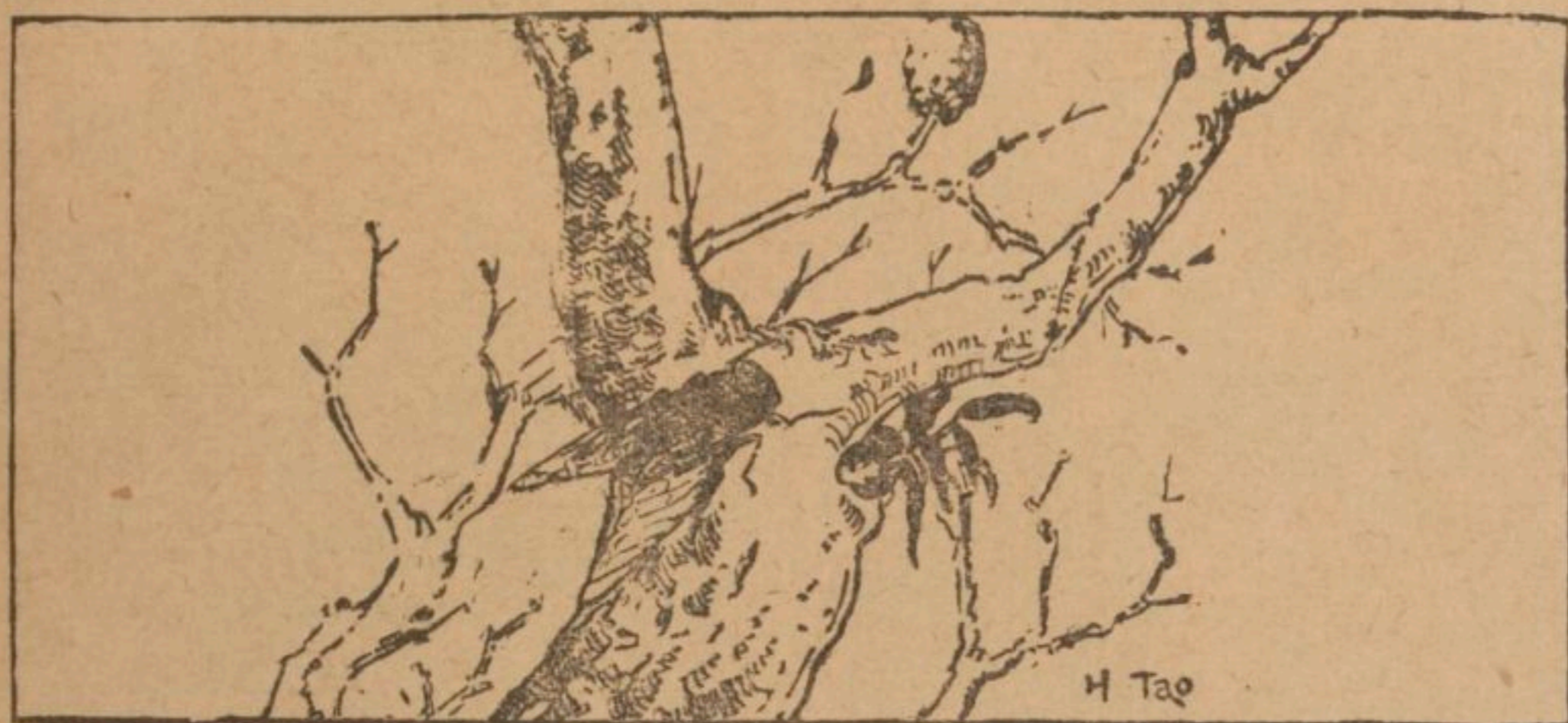
Lúc trẻ đã vậy, lúc già làm sao.

(1) tủm-chim — (2) trái.

Người không biết lo xa thì có đồng nào tiêu đồng ấy. Khi có, không biết dành-dựm, cứ ăn tiêu hoang-phí, đến khi sảy ra việc chẳng may, thì thấy ngay túng-bần khổ-sở.

Tiểu-dẫn. — Con ve (ve-ve) và con kiến.

Con ve và con kiến mỗi con một tính. Con thì chăm lo việc về sau, con thì không nghĩ đến gì cả. Hãy xem như năm nào sắp có mùa lụt, thì kiến ta kéo nhau lên ngọn cây



Con ve và con kiến.

làm tổ, và tha mối để dành đến khi mưa rét (lạnh) mà ăn. Ve kia thì mùa nắng âm cứ hát véo-von cả ngày, vui thú được lúc nào, hay lúc ấy, nghĩ rằng : Có cần gì phải lo xa. Bởi vậy người ta mới đặt ra chuyện sau này :

Ve hát suốt cả mùa hè, chẳng ngờ mùa rét đến, không có gì ăn, mới sang hỏi vay kiến để *trợ thời* cho qua mùa lạnh-lẽo. Ve nói : « Bác cho tôi vay, tôi đoan đến mùa hè sang năm xin trả hết cả vốn lẫn lãi (và lời). » — Kiến nọ vốn không hay cho vay, *nói mỉa* rằng : « Cả mùa hè năm nay bác làm gì ? Bác hát có phải không ? Thề thì bây giờ mùa đi vậy. »

Giải nghĩa — *Trợ thời* = trợ : giúp ; thời : buổi ; đỡ đón trong mùa rét. — *Nói mỉa* = nói móc cái xấu của người ta mà chế người ta.

Câu hỏi. — Con ve và con kiến khác tính nhau thế nào ? — Vì không phòng xa mà phải thế nào ?

CÁCH-NGÔN. — Nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu.

Có để dành thì mới phòng được sự khôn-khó và đỡ phải lo. Người biết để dành là người có chí làm ăn, giữ-gìn hạnh kiểm và không lười-biếng. Vậy ta phải tập để dành ngay từ lúc còn nhỏ.

Tiểu-dẫn. — **Chuyện cái còi.**

Nhân ngày tết, cha mẹ tôi và những người quen thuộc cho tôi đây túi xu. Tôi đi ra phố, định xem có cái gì đẹp thì mua. Gặp một đứa bé có cái còi, thối nghe vui tai lắm.



Cậu bé thổi còi.

Tôi mới hỏi mua; nó thuận bán. Có bao nhiêu tiền tôi đưa cho nó cả. Tôi hớn-hở về nhà, thổi còi om-sòm làm điếc tai cả mọi người. Anh tôi, chị tôi biết tôi đem đi bao nhiêu tiền mà chỉ mua được một cái còi, thì ai cũng kêu là đắt quá và lại bảo tôi rằng: bầy nhiều tiền thì có thể mua được nhiều thứ đồ chơi khác. Rồi lại cứ chê cười, làm cho tôi tức mình phải khóc và càng nghĩ lại càng buồn-bực.

Bởi vậy về sau tôi nhớ mãi. Hễ khi muốn mua cái gì, thì tôi lại nghĩ bụng rằng: « Đừng mua đắt như cái còi nhé! », rồi để dành tiền không mua nữa.

Trích ở sách của ông Franklin.

Câu hỏi. — Thằng bé nói trong bài định đem tiền đi đâu? — Ra phố nó gặp gì? — Nó mua cái còi thế nào? — Về nhà anh em chị em nó chế thế nào? — Từ đó nó đời tinh làm sao?

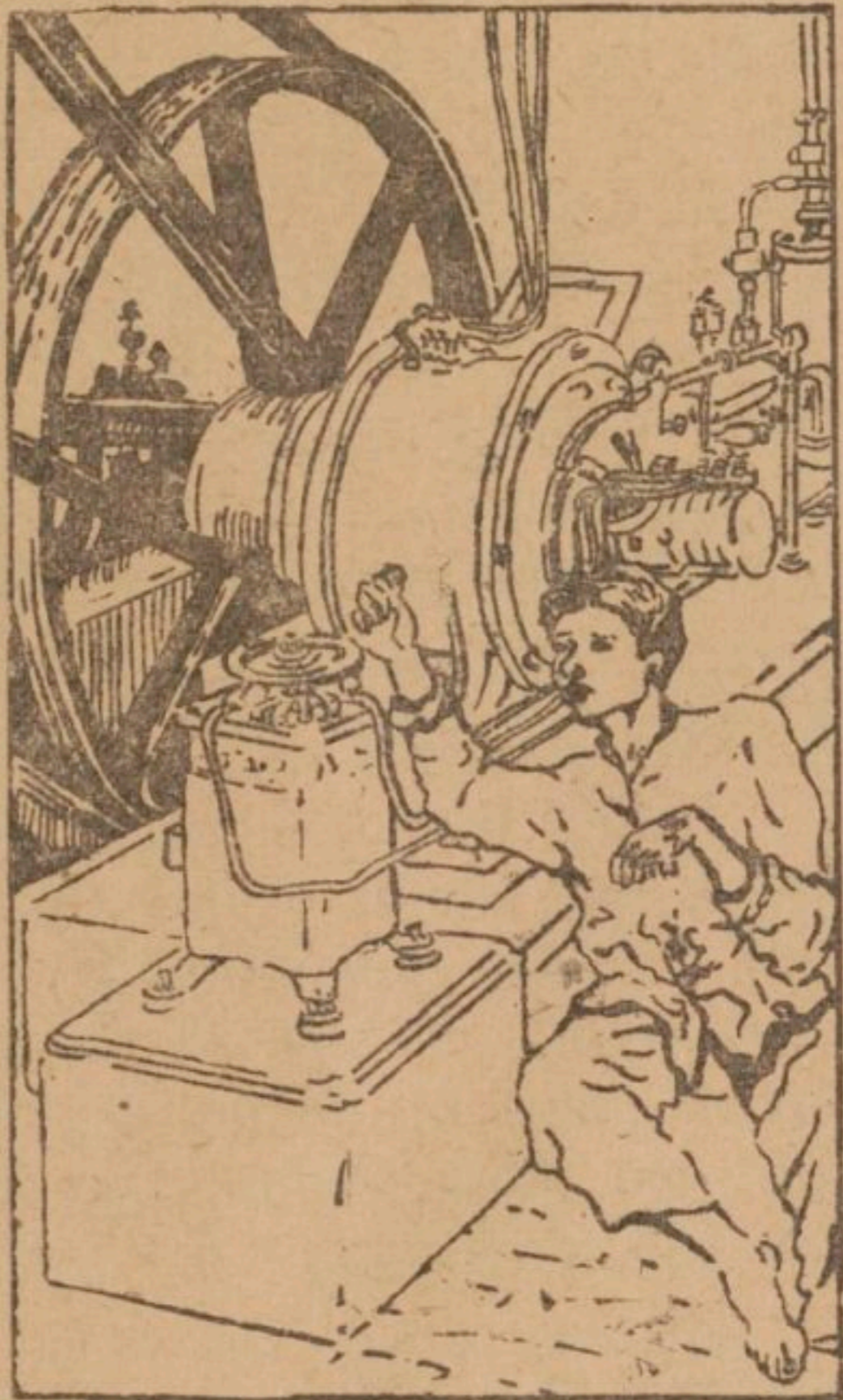
CÁCH-NGÒN. — Làm khi lành, dành khi đau.

Tận-tâm với chức-nghiệp là phải chăm-chỉ chú ý vào nghề-nghiệp mình làm.

Bất kỳ nghề lao-tâm hay lao-lực, ai dẫu làm nghề gì là phải đem hết tâm chí vào nghề ấy để làm cho thật khéo, thật hay, phải biết mền việc của mình làm hằng ngày, phải biết việc mình làm là việc có ích.

Tiêu-dẫn. — Một người thợ cẩn-thận.

Một người thợ làm tại một nhà máy ở Hải-phòng, một hôm đang đứng vận máy, cúi xuống vô ý phải cái dây da chuyển máy nó hút vào, bị thương nặng. Anh ta đau, gấn ngật đi, mà còn nghĩ rằng cứ để máy chạy, thì sợ người khác lại bị nạn chẳng, cho nên mới cố gượng hết sức lê (lết) đến chỗ cầm máy mà hãm lại. Xong rồi mới chịu đi cho người ta buộc thuốc.



Người cầm máy bị thương.

Giải nghĩa. — Lao-tâm = việc làm khó nhọc đến trí não.
— Lao-lực = việc làm khó nhọc đến chân tay.

Câu hỏi. — Người thợ làm ở đâu? — Người ấy bị thế nào? — Người ấy làm thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Làm việc gì, phải làm cho đến nơi đến chốn.

Người ta, bất cứ làm nghề lao-tâm hay lao-lực, cũng phải hết lòng với nghề-nghiệp của mình. Việc tuy nhỏ-mọn đến đâu, cũng phải chăm-chỉ cẩn-thận, làm cho đến nơi đến chốn.

Tiểu-dẫn. — Thợ làm cầu.

Có người thợ nguội làm những đinh chốt bằng sắt để lắp cầu bắc qua sông. Một bữa, anh ta bắt chốt vào thanh sắt đã xong rồi; lúc sắp về, đứng lại ngắm, thấy ở giữa thanh sắt hơi cong, vì có một chốt bắt sai khớp. Nếu để vậy cũng chẳng ai biết, nhưng về sau, ngộ lún xuống, thì có lẽ gãy cầu được. Anh ta bụng bảo dạ rằng: « Làm không kỹ có khi chêt người », rồi lại tháo ra mà lắp vào cho thật kỹ, mới yên lòng.

Được ít lâu, lúc cầu bắc xong, thấy hàng trăm nghìn người đi lại, anh ta mới nghĩ bụng rằng: « Nếu ta không lắp lại thanh sắt độ nọ, thì biết đâu cầu không đổ, làm hại biết bao nhiêu người ».

Câu hỏi. — Lúc sắp về, người thợ thấy gì? — Rồi người ấy làm gì? — Nếu người thợ ấy không làm-lụng cẩn-thận, thì về sau có thể hại thế nào?



Thợ làm cầu cẩn-thận.

CÁCH-NGÔN. — Làm việc gì có châu-đáo mới được thỏa lòng.

Người ta đã làm nghề gì thì phải đem hết tâm trí vào nghề ấy, làm cho thật khéo, thật đẹp, đừng có quản công khó nhọc. Có làm việc như thế thì mới hết bốn-phận đời với lương-tâm mình và đời với mọi người.

Tiểu-dân. — Chết vì khoa-học.

Ông giáo-sư Bergonié, ở trường thuộc Bordeaux, suốt đời chỉ chuyên nghiên-cứu về quang-tuyến X, để chữa bệnh âm-thư (nhọt bọc). Quang-tuyến ăn vào thì thịt ra,



Ông Bergonié đau.

trước ông còn phải cắt một ngón tay, sau dền bàn tay, rồi dền cả cánh tay. Tuy què cụt như thế, mà ông vẫn cứ theo đuổi nghiên-cứu mãi, không sợ gì nguy-hiêm.

Khi sắp chết, ông lại còn dặn lại đem xác mình cho trường thuộc để mổ xẻ ra mà xem vì tại sao mà chết. Ông lại còn cúng cho trường ấy mười vạn quan tiền để giúp vào cuộc nghiên-cứu cách chữa bệnh âm-thư.

Một nhà thông-thái như giáo-sư Bergonié mà chịu *hy-sinh* về khoa-học để tìm cách cứu giúp nhân-loại như vậy, thật là đáng tôn, đáng trọng.

Giải nghĩa. — Âm-thư = nhọt ngầm trong người. — Hy-sinh = bỏ tinh mệnh để làm một việc gì khó khăn.

Câu hỏi. — Ông giáo-sư Bergonié suốt đời chỉ làm gì? — Trước khi ông mất, ông cúng tiền vào nhà trường để làm gì? — Các anh nghĩ một người như thế là người thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Có tận-tâm mới trọn nghĩa-vụ.

Bất cứ nghề gì cũng có giá-trị cả⁽¹⁾. Một ông quan lo việc nước với một người cấy ruộng ngoài đồng, người nào cũng là làm việc ích lợi cho xã-hội, ta đáng nên tôn trọng cả.

Tiêu-dân. — Lễ hạ-điền

Dân Việt-Nam thật là trọng việc canh nông. Cứ hằng năm đến mùa xuân, vua ra làm lễ tịch-điền cắm cây cày mây đường để làm gương cho dân bắt-chước.



Lễ hạ-điền.

Ở các làng, thì cứ đến mùa cấy, người ta chọn ngày tốt để làm lễ hạ-điền. Ông *thủ-chủ* làm lễ xong, xuống ruộng cắm mây cây mạ làm phép. Rồi dân trong làng mới bắt đầu cấy ruộng. Cứ xem như thế, thì đủ biết nghề làm ruộng là một nghề lao-lực, chân làm tay bùn, vất-vả khó-nhọc mà tự vua cho đến dân, ai ai cũng lấy làm tôn trọng.

Giải nghĩa. — *Thủ-chủ* = ông kỳ-mục thứ nhất đứng đầu trong làng.

Câu hỏi. — Dân Việt-Nam trọng canh nông thế nào? — Lễ tịch-điền là gì? — Lễ ấy vua làm gì? — Lễ hạ-điền là gì? — Lễ ấy các làng làm gì?

CÁCH-NGÔN — Nhân sinh bách nghệ, nghề nào cũng quý.

(1) hết.

59. — Các quan.

Nghĩa-vụ của các quan là phải lo trị nước, yên dân. Vậy người làm dân phải tuân lệnh quan, kính mến và biết ơn quan.

Tiểu-dân. — Người chánh-tổng hết lòng với dân.

Có người dên báo ông chánh-tổng Hộ rằng dên đem có bọn cướp định vào cướp làng Bách-lý. Ông Hộ liền cho gọi cả trương-tuần dên, bảo phải sắp người để phòng bị.



Ông chánh Hộ đánh cướp.

Lúc bọn cướp dên, ông đem người ra chống cự. Khi hai bên đánh nhau, chẳng may ông bị một vết thương rất nặng ở bên tay phải. Bọn tuấn-dinh thấy ông can-dảm như thế, đều xông vào đánh rất hăng, bắt được mấy tên cướp, còn những tên kia bỏ chạy cả.

Ấy cũng nhờ có ông Hộ hết lòng với chức-trách mình, mà làng Bách-lý khỏi bị quân cướp tàn phá. Quan trên có giấy ban khen.

Câu hỏi. — Ông Hộ làm gì để giữ cho làng Bách-lý khỏi mất cướp? — Quan trên khen thưởng ông thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Có quan thì dân mới yên.

Một nước cũng như một nhà, phải có người coi-sóc các việc công ích. Người coi-sóc ấy tức là quan, vậy ta phải tuân lệnh quan, vì lệnh quan tức là lệnh Nhà-nước. Nếu lệnh quan mà không ai tuân, thì trong nước trị yên làm sao được?

Tiêu-dẫn. — Quan huyện về làng.

Sáng hôm nay, quan huyện về làng xét xem có khu đất nào để làm trường học được không. Lý-trưởng và



Quan huyện về làng.

chánh hương-hội ra tận cổng làng để đón. Khi về đến đình, thì quan truyền đòi cả hương-hội ra để ngài hỏi. Mọi người đều đến đông đủ cả.

Cậu Tý thấy vậy, hỏi anh rằng : « Sao quan huyện làm phiền dân như vậy ? Quan đòi mà không đến, có được không ? »

Người anh đáp : « Ngài từ huyện tới đây, còn không quản công, nữa là chúng mình ở ngay đây. Và lại, có phải là ngài đến làm phiền cho ta đâu, chính là để trừ tính một việc rất có ích cho ta, là việc dựng trường học đó. Vậy mọi người đều vui lòng mà tuân lệnh ngài là phải ».

Câu hỏi. — Quan về làng làm gì ? — Mọi người đều tấp-nập đến hầu thế nào ? — Tý hỏi anh gì ? — Anh đáp lại làm sao ?

CÁCH-NGÔN. — Lệnh quan ai dám sai lời.

Nhờ có quan lo việc trị dân, thì ta mới được an cư lạc nghiệp. Vậy bổn-phận của ta là phải kính mến và biết ơn quan.

Tiểu-dẫn. — Biết ơn quan.

Sáng ngày tết Nguyên-đán, cha anh Sửu là lý-trưởng sắm-sửa để cùng với hương-hội đi mừng tuổi quan phủ.



Dân đi mừng tuổi quan.

Sửu hỏi: «Thưa cha, sao cha lại phải đi mừng tuổi quan? ngài có quen-thuộc gì nhà ta đâu?» Người cha đáp: «Ngài không quen-thuộc gì nhà ta, nhưng ngài là quan cai-trị hạt ta. Từ khi ngài đến làm quan ở đây, ngài đã làm được nhiều việc có ích cho dân. Vậy nay nhân dịp ngày tết, cha đi mừng tuổi ngài, cũng là để tỏ chút lòng kính mến và biết ơn ngài».

Câu hỏi. — Ngày tết, cha anh Sửu sắm-sửa đi đâu? — Sửu hỏi cha gì? — Người cha trả lời thế nào?

CÁCH-NGÔN. — Làm dân phải biết ơn quan.

Nhà-nước không những giữ cho trong nước được yên cư lạc nghiệp, lại lo mở-mang cho dân được tiên hóa mọi đường. Ta nên biết ơn Nhà-nước.

Tiểu-dân. — Nhà-nước làm lợi cho dân những gì?

Sáng hôm nay, ở huyện-ly có quan thầy thuốc về trồng đậu. Đã có giấy sức trước cho các làng, nên các nhà đem con đến đông lắm.



Thầy thuốc chủng đậu.

Nhờ có Nhà-nước Pháp đặt ra cuộc vệ-sinh, sai thầy thuốc đi các nơi chữa cho kẻ ốm đau, cho nên bây giờ cái số người chết cũng giảm đi được nhiều.

Nhà-nước không những cử người đi trồng đậu các nơi, lại còn mở ra nhà đê, nhà thương làm phúc, nhà nuôi người bệnh phong (phung), nhà chữa người bệnh thời-khí, nhà chữa người bệnh chó dại. Lắm nơi lại còn phát thuốc *kí-ninh* để trừ bệnh sốt-rét ⁽¹⁾, phái người đi chữa

(1) nóng lạnh.

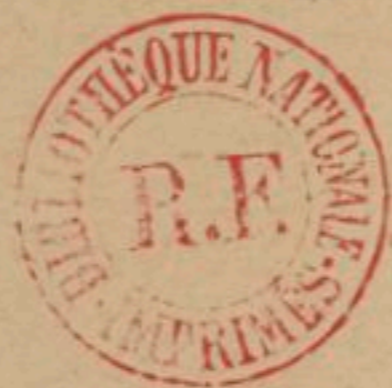
mắt, làm cho nhiều người khỏi mù lòa. Thật là đỡ được bao nhiêu sự đau-dớn khổ-sở cho người ta. Nhà-nước lại còn làm đường-sá, cầu, công. đặt đường xe hỏa để đi lại buôn bán cho được tiện lợi, sửa-sang pháp-luật, định cách thu thuế để cho khỏi sự *những-nhiều hà-lạm*, cải-lương hương-chính để chỉnh-dồn lại các thôn xã. Nhà-nước lại lập ra các trường học, khiến cho đầu đó con trẻ được học tập để mở-mang trí tuệ. Rồi lại làm sách vừa có ích vừa rẻ tiền để cho ai cũng có thể mua được mà học.

Như các con ngày nay chẳng mất mấy đồng tiền mà đũa nào cũng có sách học, thật là nên biết ơn Nhà-nước vậy.

Giải nghĩa. - *Huyện-ly* = chỗ huyện đóng — *Ki-ninh* = do tiếng pháp quinine ra, là thứ thuốc chữa bệnh sốt-rét. — *Những-nhiều hà-lạm* = làm những việc trái phép mà ăn-hiếp người ta.

Câu hỏi. — Về mặt bệnh tật, Nhà-nước làm những gì? — Về cách thông thương, Nhà-nước làm gì? — Về việc tài-chính và việc hình-pháp, về việc cải-lương hương-chính, Nhà-nước làm những gì? — Về việc học-hành, Nhà-nước làm những gì?

CÁCH-NGÒN. — Nhờ có Nhà-nước, ta mới được an cư lạc nghiệp, vậy ta phải nhớ ơn Nhà-nước.



MỤC-LỤC

	Số trang		Số trang
Chương thứ nhất.			
1. -- Bồn-phận đối với gia-tộc.	3	32. -- Mau trí-khôn.	34
2. -- Bồn-phận đối với học-đường	4	33. -- Tinh trẻ-nãi.	35
3. -- Bồn-phận đối với người ngoài	5	34. -- Tinh lười-biếng nhác (nhờn).	36
4. -- Ăn mặc cử-chỉ cho chính-tề.	6	35. -- Tinh hay nói xấu.	37
5. -- Đối với người yếu-đuối.	7	36. -- Nói vu.	38
6. -- Đối với người khờ-sở.	8	37. -- Lẽ công-bằng.	39
7. -- Lễ phép với người già.	9	38. -- Không công-bằng.	40
8. -- Lễ phép với người tàn tật.	10	39. -- Tinh ích-kỷ.	41
9. -- Lễ phép với người lạ.	11	40. -- Lòng tham lợi.	42
Chương thứ hai.			
10. -- Vệ-sinh.	12	41. -- Tinh hà-tiện.	43
11. -- Vệ-sinh (bài nối).	13	42. -- Tinh xa-xỉ.	44
12. -- Không biết giữ vệ-sinh.	14	43. -- Tinh tiết-kiệm.	45
13. -- Sạch-sẽ.	15	44. -- Tinh quảng-đại.	46
14. -- Sạch-sẽ.	16	45. -- Lòng nhân-ái.	47
15. -- Sạch-sẽ.	17	46. -- Lòng nhân-ái (bổ-thi).	48
16. -- Dư-bản (1).	18	47. -- Có làm mới có ăn.	49
17. -- Ăn uống có điều-độ.	19	48. -- Cần phải làm việc.	50
18. -- Tham-ăn.	20	49. -- Kiên chí.	51
19. -- Tiết-độ.	21	50. -- Có thứ-tự.	52
20. -- Nết tốt.	22	51. -- Không có thứ-tự.	53
21. -- Nết xấu.	23	52. -- Biết lo xa.	54
22. -- Vui tinh (2).	24	53. -- Không biết lo xa.	55
23. -- Tinh ôn-hòa.	25	54. -- Sự đề-dành.	56
24. -- Tinh nhẫn-nại.	26	55. -- Tận-tâm với chức-nghiệp.	57
25. -- Tinh hay tránh lòng.	27	56. -- Tận-tâm với chức-nghiệp (bài nối).	58
26. -- Tinh nóng nảy.	28	57. -- Tận-tâm với chức-nghiệp (bài nối).	59
27. -- Tinh hung tợn.	29	58. -- Giá-trị của các nghề lao-lực.	60
28. -- Can-đảm.	30	Chương thứ ba.	
29. -- Can-đảm.	31	59. -- Các quan.	61
30. -- Tinh hèn-nhát.	32	60. -- Tuân lệnh quan.	62
31. -- Chú ý.	33	61. -- Kinh mẫn và biết ơn quan.	63
		62. -- Phải yêu mẫn và biết ơn Nhà-nước.	64

(1) dáy — (2) tánh.



COLLECTION DE MANUELS SCOLAIRES

édités par

LA DIRECTION DE L'INSTRUCTION PUBLIQUE EN INDOCHINE

Langue indigène	Cours Infantin
—	— Préparatoire
—	— Elémentaire
Morale	— Infantin
—	— Préparatoire
—	— Elémentaire
Calcul, Système métrique et Dessin linéaire - Leçons de choses - Géo- graphie	— Infantin
Calcul, Système métrique et Dessin li- néaire	— Préparatoire
—	— Elémentaire
Leçons de choses et Géographie	— Préparatoire
—	— Elémentaire
Histoire et Géographie.	— Elémentaire
Langue française	— Infantin
—	— Préparatoire
—	— Elémentaire
Manuel de caractères	— Infantin
—	— Préparatoire
—	— Elémentaire
Les Cinq fleurs ou l'Indochine expliquée par J. MARQUET.	
Manuel d'initiation à l'Hygiène. . . Cours Infantin et Préparatoire	
— l'Agriculture. . . . Cours Elémentaire	
— l'Education physique.	
— l'Enseignement du dessin.	

VIỆT-NAM TIỂU-HỌC TÙNG-THƯ

Quốc-văn giáo-khoa thư	Lớp Đồng-ấu
—	— Dự-bị
—	— Sơ-dặng
Luân-lý giáo-khoa thư	— Đồng-ấu
—	— Dự-bị
—	— Sơ-dặng
Toán-pháp — Cách-trí — Địa-dư	— Đồng-ấu
Toán-pháp giáo-khoa thư	— Dự-bị
—	— Sơ-dặng
Cách-trí — Địa-dư giáo-khoa thư	— Dự-bị
Cách-trí giáo-khoa thư	— Sơ-dặng
Sử-ký — Địa-dư giáo-khoa thư	— Sơ-dặng
Sách dạy chữ pháp	— Đồng-ấu
—	— Dự-bị
—	— Sơ-dặng
Sách dạy chữ nho	— Đồng-ấu
—	— Dự-bị
—	— Sơ-dặng
Ngũ-hoa hay là Đông-pháp diễn nghĩa của J. MARQUET soạn.	
Vệ-sinh giáo-khoa thư	Lớp Đồng-ấu và Dự-bị
Sách làm ruộng.	Lớp Sơ-dặng
Sách dạy thể-thao.	
Sách dạy vẽ.	

Imp. Ngô-Tử-Hạ, 24 à 46 Rue Lamblot — Hanoi